

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700381282 đăng ký lần đầu ngày 12/04/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/07/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: .06.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 01 năm 2014)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84-650) 371 9999

Fax: (84-650) 373 2983

Website: www.daithienloc.com.vn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3934 3137

Fax: (84-4) 3936 0262

Website: www.vCBS.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Phan Quỳnh Diễm Châu

Chức vụ: Trưởng ban Công bố thông tin

Điện thoại: (84-650) 363 2048

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700381282 đăng ký lần đầu ngày 12/04/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/07/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số:/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 20...)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84-650) 371 9999

Fax: (84-650) 373 2983

Website: www.daithienloc.com.vn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3934 3137

Fax: (84-4) 3936 0262

Website: www.vCBS.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Phan Quỳnh Diễm Châu

Chức vụ: Trưởng ban Công bố thông tin

Điện thoại: (84-650) 363 2048

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700381282 đăng ký lần đầu ngày 12/04/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/07/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng phát hành	: 11.727.062 cổ phiếu
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu (10:1,5) : 7.036.237 cổ phiếu - Trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu (10%) : 4.690.825 cổ phiếu	
Giá bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Đối tượng chào bán	: Cổ đông hiện hữu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 117.270.620.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1,

Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3827 5026

Fax: (84-8) 3827 5027

Website: www.rsm.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



VCBS
Vietcombank Securities

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3934 3137

Fax: (84-4) 3936 0262

Website: www.vCBS.com.vn

MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1.1. Rủi ro về kinh tế	6
1.2. Rủi ro luật pháp	8
1.3. Rủi ro đặc thù ngành.....	9
1.4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	10
1.5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	11
1.6. Rủi ro khác.....	14
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	15
2.1 Tổ chức phát hành	15
2.2 Tổ chức tư vấn	15
III. CÁC KHÁI NIỆM/ĐỊNH NGHĨA/CÁC TỪ VIẾT TẮT	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	17
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	17
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/03/2013.....	27
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	31
6. Quá trình tăng vốn của Công ty.....	32
7. Hoạt động kinh doanh.....	34
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất	46
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	48
10. Chính sách đối với người lao động.....	51
11. Chính sách cổ tức.....	53
12. Tình hình tài chính.....	54
13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát	61
14. Tài sản.....	71
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013	72

16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	72
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	73
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành	73
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	74
1.	Loại cổ phiếu:	74
2.	Mệnh giá:	74
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	74
4.	Tổng số vốn huy động dự kiến	74
5.	Giá chào bán dự kiến	74
6.	Phương pháp tính giá:	74
7.	Phương thức phân phối	75
8.	Thời gian phân phối	75
9.	Đăng ký mua cổ phiếu	75
10.	Phương thức thực hiện quyền	76
11.	Xử lý số cổ phần chưa chào bán hết, số cổ phần lẻ phát sinh	76
12.	Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	76
13.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	76
14.	Các loại thuế có liên quan	77
15.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	78
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	80
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	80
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	81
1.	Tổ chức tư vấn phát hành	81
2.	Tổ chức kiểm toán	81
3.	Ý kiến của Tổ chức tư vấn	82
IX.	PHỤ LỤC	84
1.	Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	84
2.	Phụ lục 2: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty	84
3.	Phụ lục 3: Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2011 và 2012, Báo cáo tài chính Công ty mẹ tại 30/09/2013. Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2011 và 2012, báo cáo tài chính hợp nhất tại 30/09/2013	84

4. Phụ lục 4: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2013 84
5. Phụ lục 5: Biên bản họp ĐHCĐ Thường niên năm 2013 84
6. Phụ lục 6: Nghị quyết HĐQT số /2013/NQ-HĐQT ngày /12/2013 về việc thông qua nguyên tắc xác định giá phát hành, mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau phát hành và phương án xử lý cổ phiếu lẻ của đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức 84
7. Phụ lục 7: Nghị quyết số 09/2013/DTL-NQHĐQT ngày 15/11/2013 của HĐQT về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu..... 84
8. Phụ lục 8: Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, KTT và BKS 84

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1.1. Rủi ro về kinh tế

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một công ty là căn cứ cơ bản và khá phổ biến cho quyết định của nhà đầu tư. Công ty hiện kinh doanh trong ngành thép, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thép, kẽm nhôm... đây là ngành công nghiệp trọng điểm và có nhiều biến động do vậy hầu hết những chính sách phát triển kinh tế của đất nước cũng như sự tăng hay giảm chung về tốc độ phát triển của nền kinh tế cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến ngành và tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ *Tăng trưởng kinh tế*

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2013, tình hình kinh tế thế giới tuy vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức nhưng đã có một số dấu hiệu khả quan. Động thái giữ nguyên gói QE3 mới đây của Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đồng thời một số dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) hay Ngân hàng Thế giới (World Bank) về tăng trưởng kinh tế toàn cầu thấp hơn so với dự báo ban đầu (từ 2%-2,3% trong năm 2013, dự báo ban đầu là 2,3%-2,8%) cho thấy tăng trưởng kinh tế toàn cầu chưa thực sự hồi phục ổn định và nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trưởng chậm hơn so với kỳ vọng. Mặc dù vậy, chỉ số sản xuất PMI của một số nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, khu vực Châu Âu đang có nhiều dấu hiệu tích cực hơn thể hiện qua số lượng đơn đặt hàng gia tăng trong các quý gần đây, cụ thể chỉ số PMI sản xuất của Mỹ do Markit công bố luôn ở trên mức 50 điểm trong 3 tháng gần đây, tương tự PMI của Châu Âu và một số nước Châu Á như Nhật, Trung Quốc cũng duy trì trên mức 50 điểm và tăng dần qua các tháng. Điều này cho thấy sự nỗ lực thoát khỏi suy thoái của các nhóm nước này.

Về tình hình trong nước, theo Tổng Cục Thống kê Việt Nam, qua ba quý đầu năm 2013, kinh tế Việt Nam đang dần có nhiều sự cải thiện, mặc dù tốc độ phục hồi còn chậm nhưng đã có những dấu hiệu tích cực hơn. Tốc độ tăng trưởng GDP trong Quý III ghi nhận mức tăng 5,54%, cao hơn đáng kể so với mức tăng 4,76% của Quý I và 5,00% của Quý II. Tính chung cả 9 tháng, GDP tăng 5,14% so với cùng kỳ năm trước, tăng nhẹ so với con số 5,10% của cùng kỳ năm 2012. Trong quý IV, theo yếu tố mùa vụ, tăng trưởng GDP theo quý được kỳ vọng sẽ đạt mức cao nhất trong năm, GDP cả năm 2013 được dự báo tăng trưởng 5,3%. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy việc định hướng và thực thi chính sách với mục tiêu đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế đồng thời nới lỏng chính sách tiền tệ và tài khóa một cách thận trọng để hỗ trợ tăng trưởng là hợp lý và đang dần phát huy hiệu quả. Mặc dù vậy, tình hình kinh tế trong nước nói chung vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Sự suy thoái của kinh tế thế giới đã thu hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn và tác động tiêu cực đến kinh tế-xã hội của nước ta. Trong bối cảnh đó, tất yếu hoạt động kinh doanh của Công ty cũng không thể tách rời và chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu cũng như kinh tế trong nước. Sản xuất kinh doanh trong nước mặc dù đã có chuyển biến tích cực nhưng tốc độ vẫn chậm. Mức tiêu thụ sản phẩm hàng hóa chưa cao, nhất là khu vực sản xuất trong nước, hàng tồn kho vẫn còn cao. Lĩnh vực tài chính ngân hàng vẫn đang trong quá trình tái cấu trúc, tình trạng nợ xấu trong hệ thống ngân hàng chưa được giải quyết. Tốc độ tăng

trường GDP thấp sẽ làm cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, hàng tồn kho tăng cao. Theo đánh giá chung, năm 2013 được nhận định vẫn là năm khá khắc nghiệt đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của Công ty nói riêng, đặt Công ty trước tình thế phải đổi mới, vươn lên và có những chính sách kinh doanh linh hoạt.

❖ **Lạm phát:**

Theo Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 09 tháng 2013 tăng 6,83% so với bình quân cùng kỳ năm 2012. Riêng trong Quý III chỉ số giá tiêu dùng CPI đã có mức tăng khá đột biến so với các tháng trong Quý II, đặc biệt là trong tháng 8 (0,83% MoM) và tháng 9 (1,09% MoM). Điều này chủ yếu là do việc tăng giá mạnh của một số nhóm hàng như dịch vụ y tế, giáo dục vào mùa tựu trường, giao thông sau ảnh hưởng của những đợt điều chỉnh giá xăng dầu. Mặc dù có sự gia tốc qua từng tháng nhưng nếu so với cùng kỳ năm 2012 thì lạm phát đã được kiểm soát tốt hơn và có dấu hiệu hạ nhiệt.

Mặc dù vậy, nhìn chung mặt bằng giá cả còn cao, sự tăng giá của hàng loạt các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện, nguyên liệu sản xuất... ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty.

❖ **Lãi suất:**

Trong những năm vừa qua, nhu cầu vay vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cao. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty.

Hiện tại mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay đã giảm đáng kể so với các năm trước và đang được duy trì khá ổn định trong 6 tháng trở lại đây. Sau sự kiện tăng tỷ giá và giảm trần lãi suất huy động dưới 6 tháng xuống 7% vào cuối tháng 6, lãi suất huy động có chiều hướng giảm nhẹ khoảng 0,5%-1% ở các kỳ hạn so với thời điểm cuối Quý II và duy trì khá ổn định quanh mức 7% trong Quý III. Trong khi đó, lãi suất cho vay vẫn phổ biến ở mức từ 7%-10%/năm cho các kỳ hạn ngắn và 11-13%/năm cho các kỳ hạn dài.

Trước đó, ngày 25/03/2013 NHNN đã có quyết định điều chỉnh giảm lãi suất tái cấp vốn từ 9%/năm xuống còn 8%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 7%/năm xuống 6%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 10%/năm xuống 9%/năm theo Quyết định số 643/QĐ-NHNN.

Cùng với việc ban hành quyết định trên, NHNN cũng ban hành Thông tư số 08/2013/TT-NHNN quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Với lãi suất tiền gửi không kỳ hạn đến dưới 1 tháng, NHNN giữ nguyên mức 2%/năm như trước; còn lãi suất tối đa với các khoản tiền kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng giảm từ 8%/năm xuống 7,5%/năm.

Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô giảm từ 8,5% xuống 8%/năm. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do TCTD ấn định trên cơ sở cung cầu vốn của thị trường.

Bên cạnh đó, NHNN cũng ban hành Thông tư số 09/2013/TT-NHNN ngày 25/3 quy định lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với các lĩnh vực ưu tiên như nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm từ 12% xuống 11%/năm.

❖ **Tỷ giá hối đoái:**

Hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp ngành thép của Việt Nam đều chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài và thanh toán bằng ngoại tệ. Do đó, sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đối với Đại Thiên Lộc thì có khoảng 80-90% hợp đồng nhập khẩu nguyên vật liệu, do đó, biến động tỷ giá USD/VND theo chiều hướng tăng sẽ làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận của Công ty.

Để khắc phục rủi ro này, giá thành sản phẩm được Đại Thiên Lộc tính toán căn cứ vào giá nhập khẩu (tính bằng USD) cộng chi phí sản xuất lưu thông. Đồng thời, giá bán hàng trong nước cũng như giá xuất khẩu luôn được cập nhật, thay đổi và phụ thuộc vào biến động giá cả trên thế giới nên rủi ro về tỷ giá cũng sẽ phần nào được hạn chế.

Sau được điều chỉnh tỷ giá liên ngân hàng vào cuối tháng 6 năm 2013, tỷ giá vẫn được duy trì ổn định ở mức 21.036 VND/USD, điều này đã giúp cho Công ty kiểm soát tốt hơn rủi ro về tỷ giá.

1.2. Rủi ro luật pháp

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ tháng 04/2007 nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu ảnh hưởng của bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Trước đây hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn. Mặt khác, do đặc thù của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại nên việc thay đổi các chính sách pháp luật về thuế sẽ luôn ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan theo những cam kết của Việt Nam khi tham gia và ký kết những hiệp định chung về thương mại. Những công ty xuất khẩu nói chung và DTL nói riêng sẽ chịu nhiều thiệt thòi nếu không tìm hiểu kỹ hoặc không thực hiện hiện đúng quy định của các nước sở tại.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhịp với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới. Điều này cũng tạo được điều kiện thuận lợi hơn để Công ty có thể đưa ra các kế hoạch kinh doanh.

1.3. **Rủi ro đặc thù ngành**

❖ **Nguyên vật liệu:**

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu là thép lá cán nguội, chiếm 90% cơ cấu giá thành sản xuất của Công ty. Nguồn cung cấp thép lá cán nguội trong nước hiện tại còn hạn chế, chỉ có 3 nhà máy sản xuất. Vì vậy, lâu nay Công ty vẫn phải nhập khẩu nguyên liệu thép lá cán nguội, 95% từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn độ, Nga. Nguồn nguyên liệu đầu vào chịu ảnh hưởng bởi giá slab thế giới (thép tấm dày dùng cho cán nóng, là một dạng phôi thép) thường xuyên biến động sẽ ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của Công ty. Cụ thể, trong trường hợp giá thép thế giới biến động tăng giảm không theo chu kỳ trong khoảng thời gian 1-2 tháng từ khi doanh nghiệp ký hợp đồng nhập khẩu, mở L/C đến khi hàng về dẫn tới sự tăng giảm chi phí sản xuất và giá thành không như kế hoạch của doanh nghiệp. Đối mặt với rủi ro này, Công ty đã có biện pháp kiểm soát bằng cách luôn đưa ra kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu thích hợp để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

Tuy nhiên, việc dự trữ nguyên vật liệu cũng có những rủi ro nhất định. Khi giá thép thế giới tăng, nếu lượng dự trữ nguyên vật liệu không đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp sẽ phải mua thép với giá cao dẫn đến việc tăng giá thành sản phẩm. Ngược lại, khi giá thép giảm, nếu doanh nghiệp dự trữ quá nhiều nguyên vật liệu, trong khi mức tiêu thụ sụt giảm sẽ dẫn đến việc doanh nghiệp phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và sẽ đẩy giá vốn hàng bán lên cao, ảnh hưởng không tốt đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là một trong những yếu tố rủi ro rất khó dự báo do giá thép bị tác động từ thị trường thế giới, tuy nhiên, với kinh nghiệm lâu năm trong nghề đã giúp Công ty đưa ra những quyết định linh hoạt mỗi khi đối mặt với tình huống trên. Ngoài ra, trong kế hoạch dài hạn, Công ty đã và đang tiếp tục đầu tư cho các dự án sản xuất thép nguyên liệu. Cụ thể như: tháng 12/2011 lắp ráp hoàn chỉnh và chạy thử thành công dây chuyền tẩy rửa, dây chuyền thép lá cán nguội 12 trục; tháng 04/2012 lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm số 01; tháng 12/2012 lắp ráp hoàn chỉnh dây chuyền thép lá cán nguội 06 trục... Hiện tại, dự án Khu công nghiệp Sóng Thần 3 tuy chưa hoàn thành nhưng các hạng mục đầu tư dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị đã được đưa vào vận hành, giúp Công ty chủ động hơn về nguồn nguyên vật liệu đầu vào.

❖ **Thị trường tiêu thụ:**

Thị trường tiêu thụ là bài toán khó khăn nhất đối với các doanh nghiệp thuộc ngành thép. Tác động từ sự bất ổn của tình hình kinh tế thế giới (suy thoái, lạm phát, khủng hoảng tài chính kéo dài...) ảnh hưởng mạnh đến tình hình kinh tế của nhiều nước nhất là các nước đang

phát triển. Nền kinh tế Việt Nam cũng đang trong giai đoạn khó khăn, thị trường bất động sản đóng băng trong thời gian dài, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp đều bị trì trệ, các dự án đầu tư không được triển khai làm nhu cầu về nguyên vật liệu xây dựng cụ thể là các sản phẩm sắt thép, nhôm... sụt giảm nhanh chóng.

Bên cạnh đó, thị trường thép quốc tế hầu như đã phân chia xong thị phần và đang ở trong giai đoạn khủng hoảng là thách thức lớn khi Công ty muốn mở rộng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ... Mặt khác, Công ty gặp rào cản khi các nước tăng cường bảo hộ mậu dịch. Đây là những yếu tố có thể làm thu hẹp thị trường xuất khẩu qua đó ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

❖ **Nhân lực:**

Các công ty sản xuất luôn cần một đội ngũ lao động khá lớn so với các công ty khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất của mình. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn luôn diễn ra ở mức độ cao và rủi ro về thiếu hụt nhân lực luôn là một trong các tiêu chí mà Công ty phải quan tâm. Nhằm giảm thiểu sự rủi ro về nhân lực ở mức thấp nhất, Công ty luôn đưa ra các chế độ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ công nhân viên như luôn tạo môi trường làm việc tốt nhất cho CBCNV, thường xuyên tuyển dụng và đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ công nhân. Đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ có năng lực, tạo cơ hội cho đội ngũ lao động trẻ để bổ sung cho các cấp quản lý.

1.4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

❖ **Rủi ro của đợt chào bán:**

Hiện tại giá cổ phiếu của Công ty trên HOSE ngày 15/11/2013 là 12.500 đồng/cổ phần trong khi giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần. Mặc dù có sự chênh lệch giữa giá chào bán và giá thị trường nhưng không nhiều, ngoài ra tính thanh khoản của cổ phiếu Công ty hiện ở mức thấp nên khả năng thành công của đợt chào bán sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức chào bán, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của DTL.

Thị trường chứng khoán trong 9 tháng 2013 đã đạt 1.342 tỷ đồng, tuy còn thấp hơn trong một số thời kỳ trước (năm 2009 là 2.600 tỷ đồng, năm 2010 là 2.469 tỷ đồng), nhưng đã khá hơn thời kỳ khó khăn 2011-2012. Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tăng mạnh (khối lượng mua ròng 9 tháng tăng 82%, giá trị mua ròng đạt 3.777 tỷ đồng, tăng 198,4% so với cùng kỳ năm trước). Cùng với sự nới lỏng chính sách tiền tệ thì lượng tiền vào thị trường trong thời gian tới đây sẽ tăng, có thể dần dần đạt mức 2.000 tỷ đồng/phiên vào cuối năm.

VN-Index đến cuối tháng 9 đạt trên 492 điểm, với tốc độ tăng bình quân 1 năm đạt 13%/năm; so cuối tháng 9/2013 với cuối năm trước đã tăng trên 19%, HNX tăng 6,8%, UPCOM tăng 0,2%.

Trong điều kiện nhiều yếu tố kinh tế vĩ mô thuận lợi như lạm phát chậm lại liên tiếp từ gần 2 năm qua, lãi suất tiết kiệm giảm xuống, hiện còn ở mức thấp; chính sách tiền tệ, tài khoá có xu hướng nới lỏng, tăng trưởng tín dụng cao dồn vào cuối năm, lãi suất cho vay dần

trở về như thời kỳ trước khủng hoảng; thị trường bất động sản chưa hồi phục, thị trường vàng đã kết thúc thập kỷ tăng và thị trường ngoại tệ tương đối ổn định hiện nay, nhiều chuyên gia đã dự đoán, chỉ số VN-Index có thể vượt qua mốc 500 điểm, thậm chí còn có dự đoán vượt 550 điểm và chỉ số HNX sẽ vượt qua mốc 70 điểm vào cuối năm 2013; theo đó, lợi nhuận trên thị trường chứng khoán sẽ có sự hấp dẫn trở lại trong những tháng tới.

Đây là đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành, nếu đợt chào bán cổ phiếu không thành công thì Công ty sẽ không thu được số tiền dự kiến cần huy động thêm. Trong trường hợp xảy ra rủi ro không bán hết số cổ phiếu đăng ký chào bán theo phương án, lượng cổ phiếu chưa phân phối hết sẽ được Công ty phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện tại để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty.

❖ ***Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:***

Đợt phát hành này Công ty có kế hoạch sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh cho Khu liên hợp sản xuất thép tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương. Đây là dự án đã đi vào hoạt động chứ không phải đầu tư dự án mới, do vậy rủi ro của việc đầu tư này là không quá lớn, rủi ro nếu có chủ yếu đến từ kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

1.5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một công ty. Việc này có thể tiến hành thông qua phát hành thứ cấp, từ việc cổ đông công ty thực hiện quyền mua cổ phiếu của mình hoặc thông qua việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi hoặc chứng quyền ra cổ phiếu.

Việc pha loãng giá trị cổ phiếu có thể gây ra những ảnh hưởng:

- Phần trăm sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện thời có thể giảm xuống.
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể suy giảm do thu nhập được chia cho một số lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên, điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà công ty nhận được từ việc sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần.
- Giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường sẽ điều chỉnh giảm tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ pha loãng.

❖ ***Pha loãng theo giá trị thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)***

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Công ty là 65.000.000.000 đồng. Giả định Công ty đạt được kế hoạch lợi nhuận trong năm 2013. Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phần (EPS) được xác định như sau:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế-Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Trường hợp nếu như không có đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức bằng cổ phiếu như đã nêu trong năm 2013 thì số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm là 46.908.250 cổ phiếu.

$$EPS_{\text{trước chào bán}} = \frac{65.000.000.000-0}{46.908.250} = 1.386 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trường hợp thực hiện đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức bằng cổ phiếu như đã nêu trong năm 2013 thì số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm là 47.325.926 cổ phiếu.

$$EPS_{\text{sau chào bán}} = \frac{65.000.000.000-0}{47.325.926} = 1.373 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trong đó, ước tính số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (SLCPLHBQ) trong năm 2013 như sau:

$$SLCPLHBQ = \frac{(46.908.250 \times 352 + 58.635.313 \times 13)}{365} = 47.325.926 \text{ cổ phiếu}$$

❖ ***Pha loãng theo giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)***

$$\text{Giá trị sổ sách trên một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành-Cổ phiếu quỹ}}$$

Trước khi phát hành:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{735.689.058.644}{46.908.250} = 15.683 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Sau khi phát hành:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{735.689.058.644}{58.635.313} = 12.547 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Số lượng cổ phiếu trước đợt chào bán là 46.908.250 cổ phiếu, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 30/09/2013 là 15.683 đồng/cổ phiếu. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, tổng số lượng cổ phiếu tăng lên là 58.635.313 cổ phiếu, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán (tối đa 100% và với giả định không mua cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm còn 12.547 đồng/cổ phiếu.

❖ **Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và mua cổ phiếu phát hành thêm**

Đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cho cổ đông hiện hữu lần này được phân bổ quyền theo tỷ lệ lần lượt là 10:1 và 10:1,5, có nghĩa là:

- Cổ đông sở hữu 10 cổ phần sẽ được quyền nhận cổ tức là 01 cổ phiếu
- Cổ đông sở hữu 10 cổ phần sẽ được quyền mua thêm 1,5 cổ phần mới phát hành với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

Khi phát hành thêm thì giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng làm giá cổ phiếu của Công ty sẽ giảm giá sau khi hoàn tất phát hành (nếu giá thị trường trước khi phát hành cao hơn giá phát hành).

Với số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/09/2013 là 46.908.250 cổ phiếu, giả định giá đóng cửa của cổ phiếu DTL trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 12.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi DTL thông báo việc phát hành và chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền thì giá tham chiếu của cổ phiếu DTL sẽ được xác định lại như sau:

$$P_{XR} = \frac{(I \times P_{Rt-1}) + (I_1 \times P)}{I + I_1 + I_2}$$

Trong đó:

P_{XR} : Giá tham chiếu của cổ phiếu DTL trong ngày giao dịch không hưởng quyền

P_{Rt-1} : Giá cổ phiếu DTL trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền

I : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

I_1 : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

I_2 : Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu

P : Giá cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu

$$P_{XR} = \frac{(46.908.250 \times 12.000) + (7.036.238 \times 10.000)}{46.908.250 + 7.036.238 + 4.690.825}$$

$$P_{XR} = 10.800 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ là 10.800 đồng/cổ phần.

Những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ giảm đi nếu như Công ty hoạt động thật sự tốt, những dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán thật sự đem lại hiệu quả như phương án sử dụng vốn đã được thông qua cổ đông Công ty.

1.6. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất thường, bất khả kháng như: thiên tai, dịch họa, chiến tranh, dịch bệnh... khi xảy ra thì tác động rất lớn và nghiêm trọng về người, tài sản và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

2.1 Tổ chức phát hành

Ông: Nguyễn Thanh Nghĩa	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Thị Phước Diên	Chức vụ: Quyền Kế Toán trưởng
Bà: Đoàn Thị Bích Thúy	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2.2 Tổ chức tư vấn

Ông Lê Văn Minh	Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
------------------------	---

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM/ĐỊNH NGHĨA/CÁC TỪ VIẾT TẮT

- CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Công ty	Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- DTL	Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- DTLS	Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- BCKT/BCTC	Báo cáo kiểm toán/Báo cáo tài chính
- HĐQT/TGĐ/KTT	Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc/Kế toán trưởng
- BKS	Ban kiểm soát
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
- HACCP	Hệ thống phân tích mối nguy và xác định điểm kiểm soát trọng yếu
- ISO	International Organization for Standardization-Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia
- JIS G3302 SGCC	Tiêu chuẩn theo công nghệ Nhật Bản
- JIS G1341	Tiêu chuẩn theo công nghệ Nhật Bản
- SPCC-1B, SPCC-SB SPCC-SD	Thép carbon và thép tấm cán nguội
- TMCP	Thương mại cổ phần
- TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
- UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBND	Ủy ban Nhân dân
- VCBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- GDP	Gross Domestic Product-Tổng sản phẩm nội địa
- XNK	Xuất nhập khẩu
- WTO	World Trade Organisation-Tổ chức Thương mại thế giới
- L/C	Thư tín dụng
- SLCPLHBQ	Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân
- TSCĐ	Tài sản cố định
- MoM	So với cùng kỳ tháng trước
- YoY	So với cùng kỳ năm trước

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

❖ Giới thiệu về Công ty

- Tên công ty: Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc
- Tên giao dịch quốc tế: DAI THIEN LOC CORPORATION
- Tên viết tắt: DTL
- Logo Công ty:



- Trụ sở chính: Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần, P.Phú Tân, Tp.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: (84-650) 371 9999
- Fax: (84-650) 384 9111
- Email: sales@daithienloc.com.vn
- Website: www.daithienloc.com.vn
- Vốn điều lệ: 501.360.900.000 đồng (năm trăm lẻ một tỷ ba trăm sáu mươi triệu chín trăm ngàn đồng)
- Giấy CNĐKKD: Số 3700381282 đăng ký lần đầu ngày 12/04/2007, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 15/07/2013.
- Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Rèn, dập, ép và cán kim loại; Luyện bột kim loại Chi tiết: Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn cán xà gồ thép.	2591 (chính)
2	Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu.	2592
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng.	2511

Stt	Tên ngành	Mã ngành
4	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất tấm lợp các loại .	2599
5	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép các loại.	4662
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiế tbị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng.	4659
7	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.	4610
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán nông sản.	4620
9	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán vỏ, ruột xe.	4530
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.	4669
11	Xây dựng nhà các loại	4100
12	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công hệ thống điện công trình.	4321
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Thi công hệ thống nước công trình.	4322
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Đúc sắt, thép	2431
16	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Sản xuất thép xây dựng, thép hình.	2410
17	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến nông sản.	1079
18	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.	3290

Stt	Tên ngành	Mã ngành
19	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ gia dụng.	3100
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.	5229
21	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh đại ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị, cho thuê kho bãi	6810

Nguồn: Giấy CNĐKKD của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

❖ **Lịch sử hình thành**

- Tiền thân Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4602000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/07/2001.
- Đến năm 2003, Công ty mới thật sự hoạt động mạnh và có thương hiệu với việc lắp đặt, vận hành dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm và đưa ra sản phẩm chủ lực của Công ty là tôn mạ kẽm.
- Trong năm 2006 và 2007, Công ty lần lượt quyết định tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng và 99 tỷ đồng nhằm đáp ứng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Để khẳng định thương hiệu của mình trong ngành thép, phát huy nhiều tiềm năng sẵn có và mở rộng hoạt động kinh doanh sản xuất, Công ty chính thức được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc với Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4603000334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/04/2007 và thực sự đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào tháng 06/2007.
- Tháng 6/2008, Công ty lắp đặt hoàn chỉnh dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm và đưa sản phẩm tôn mạ màu tham gia vào thị trường trong quý II/2008. Đây cũng là tiền đề để Công ty đáp ứng nhu cầu của khách hàng về những sản phẩm chất lượng cao và ổn định.
- Ngày 22/12/2008, DTL chính thức thành lập 3 công ty con chuyên về sản xuất và kinh doanh thép tại Bình Dương.
- Ngày 23/12/2008, Công ty đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 về việc thành lập Khu liên hợp sản xuất Thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương với diện tích đất 105.285m² để tập trung vào sản xuất sản phẩm thép lá cán nguội và thép lá mạ hợp kim nhôm-kẽm, mạ kẽm dày, mạ màu...

- Ngày 04/06/2010, Công ty niêm yết 38,8 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
- Tháng 08/2010, Công ty đã lắp đặt và đưa vào dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm, đây là dây chuyền sản xuất chuyên nghiệp giúp Công ty đa dạng chủng loại và nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tháng 10/2010 đến tháng 11/2010, Công ty lắp đặt và đưa vào hoạt động hàng loạt các dây chuyền như dây chuyền xà băng, công suất 60.000 tấn/năm, 4 dây chuyền sản xuất ống thép với tổng công suất 30.000 tấn/năm.
- Tháng 12/2011, Công ty lắp ráp hoàn chỉnh và chạy thử thành công các dây chuyền: dây chuyền tẩy rửa, dây chuyền thép cán nguội 12 trục.
- Năm 2012, Công ty đưa vào hoạt động dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm số 01 và lắp ráp hoàn chỉnh dây chuyền thép là cán nguội 6 trục.

Trải qua 12 năm hoạt động, Công ty đã xây dựng 1 nhà máy với dây chuyền sản xuất hiện đại, thành lập 1 công ty con, 8 chi nhánh và 450 đại lý bán hàng trên khắp cả nước. Công ty có sản lượng gia tăng, sản phẩm cung ứng ra thị trường đa dạng hơn, doanh thu và lợi nhuận liên tục tăng. Việc không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng vốn điều lệ (từ 6 tỷ đồng lên 501 tỷ đồng) và sản phẩm thép của Công ty đã cho thấy năng lực, uy tín chất lượng và khả năng duy trì, phát triển thương hiệu trong sự cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp trong ngành. Điều này cũng chứng tỏ sự nỗ lực to lớn của tất cả cán bộ công nhân viên, Ban điều hành và việc ứng dụng, đầu tư hợp lý, kịp thời các dây chuyền công nghệ, máy móc hiện đại của Công ty.

Ngoài ra, Công ty đã đạt được nhiều giải thưởng có uy tín trong ngành thép và xây dựng như:

- Giải “*Quả cầu vàng*” chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn do Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng ngày 23/05/2006.
- “*Cúp vàng Vietbuild 2006, 2007, 2008 và 2009*”, thương hiệu ngành xây dựng do Ban Tổ chức Triển lãm Quốc tế do Bộ Xây dựng trao tặng năm 2006, 2007, 2008 và 2009.
- Cúp vàng “*Sản phẩm Việt uy tín chất lượng*” có dấu hiệu hợp chuẩn WTO, do Ban thi đua khen thưởng Trung ương/Tạp chí thi đua khen thưởng TW, Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam đồng trao tặng ngày 31/12/2006.
- Cúp vàng “*Thương hiệu Việt*” do Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng ngày 04/01/2007.
- Giấy khen của Công an tỉnh Bình Dương vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2007 (Quyết định 41 ngày 11/1/2008).
- Giấy khen của Cục Hải quan Bình Dương vì đã có thành tích hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế xuất nhập khẩu và chấp hành tốt pháp luật Hải quan năm 2007, 2008 (Quyết định số 593/QĐ-HQBD ngày 25/12/2007 và 05/QĐ-HQBD ngày 08/01/2009).
- Giải “*Top ten Sao vàng Đông Nam bộ 2008*” với 5 tiêu chí cơ bản của Ban Tổ chức: có năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế; có nền sản xuất, công nghệ thân thiện với môi trường; bộ máy quản lý khoa học mang lại hiệu quả kinh tế cao; có thành tích sản xuất tốt gắn liền với các hoạt động xã hội thiết thực.

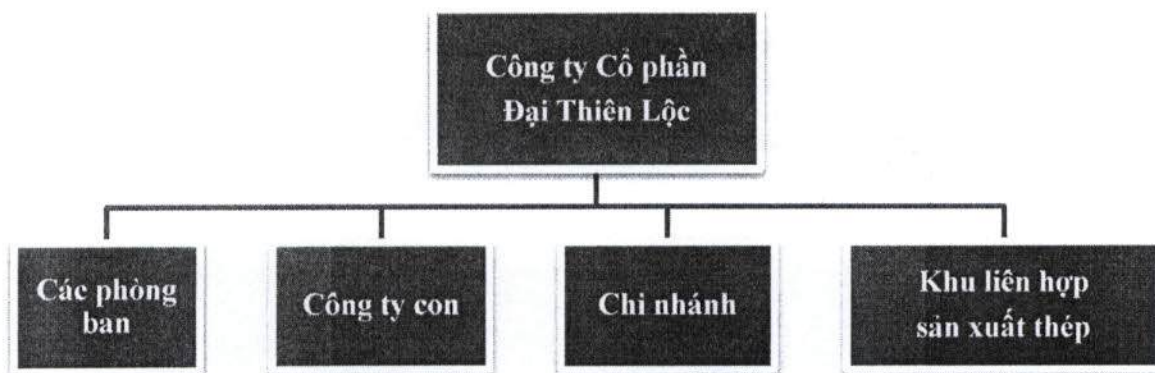
- Bằng khen của Ủy ban Trung ương Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam vì đã có thành tích phát triển thương hiệu và sản phẩm trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế (Quyết định số 54/2008/QĐ/UBTU-DNT ngày 24/7/2008).
- Top 10 Sao vàng Đông Nam Bộ năm 2008 do Trung ương Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng (Quyết định số 53/QĐ/UBTU-DNT ngày 24/7/2008).
- Top 100 Sao vàng Đất Việt 2008 do Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế và Ủy ban Trung ương Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng ngày 26/08/2008;
- Bằng khen của Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế (Quyết định số 68/QĐ-UBQG ngày 01/09/2008).
- Doanh nghiệp tiêu biểu 3 nước Việt Nam-Lào-Campuchia do Bộ trưởng Bộ Công thương Việt Nam, Lào và Campuchia đồng trao tặng ngày 18/01/2009.
- Top 100 sản phẩm tiêu biểu ứng dụng khoa học & công nghệ năm 2008 do Bộ Khoa học và Công nghệ-Cơ quan ĐD phía Nam (Quyết định số 07/QĐ ngày 12/01/2009).

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: văn phòng Công ty, các phòng chức năng, các công ty con, chi nhánh, khu liên hợp sản xuất thép.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Văn phòng Công ty: nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, ban nghiệp vụ.

- Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (84-650) 371 9999
- Fax: (84-650) 371 9111

Các đơn vị trực thuộc:

- Công ty con:

Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc

- Địa chỉ: Ô 13D, Lô CN 8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84-650) 371 9999
- Fax : (84-650) 371 9111

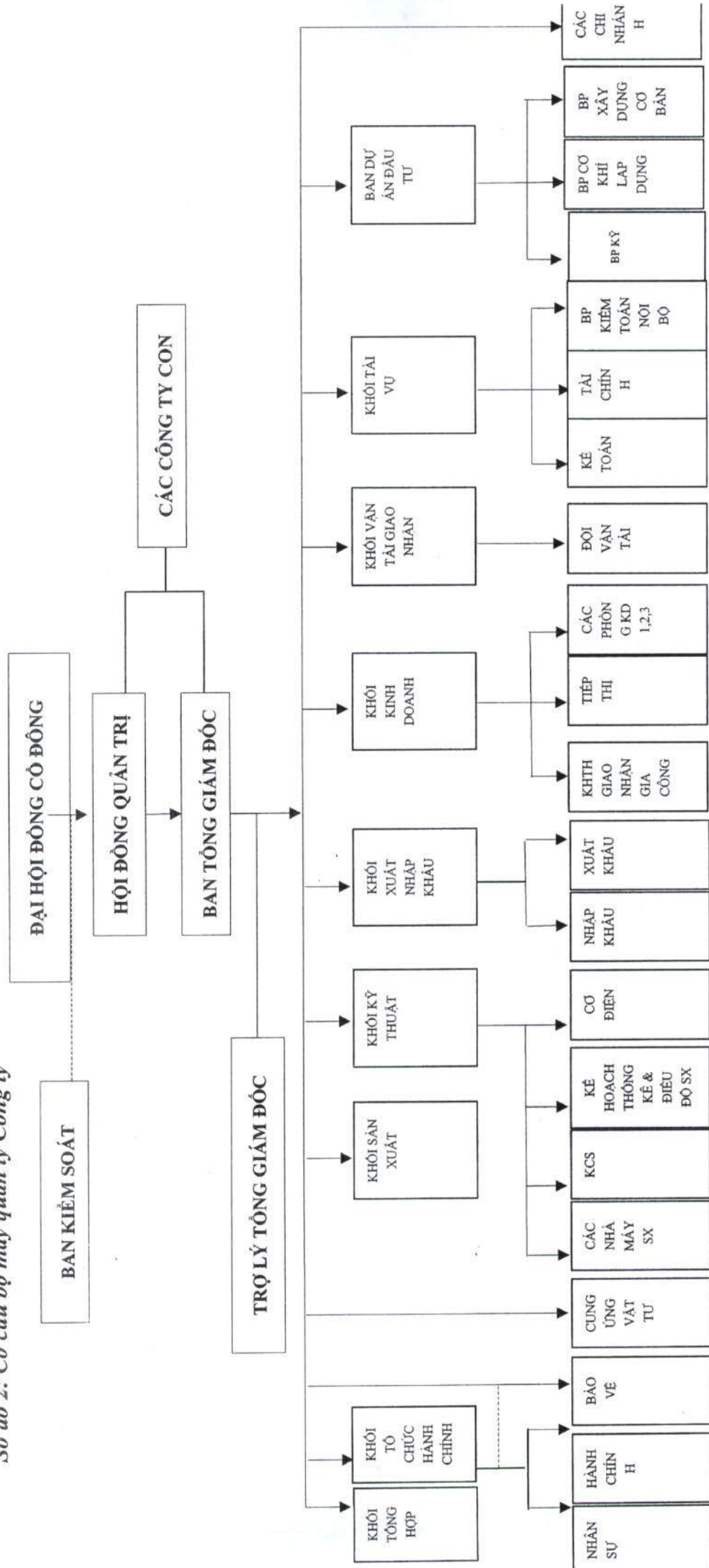
• *Các Chi nhánh*

Stt	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
1	Đà Nẵng Thành lập: 19/10/2006	Thôn Giáng Nam 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, Tp.Đà Nẵng	(84-511) 321 4148	(84-511) 373 1837
2	Bà Rịa Thành lập: 26/11/2002	19 Cách mạng tháng 8, phường Long Hương, Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa, Tp.Vũng Tàu	(84-64) 382 0553	(84-64) 382 0550
3	Vị Thanh-Hậu Giang Thành lập: 13/05/2003	295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	(84-711) 387 8585	(84-711) 387 6675
4	Long Mỹ-Hậu Giang Thành lập : 20/03/2008	79A Trần Hưng Đạo, ấp 1, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	(84-711) 351 1555	(84-711) 351 1585
5	Bình Dương (Thủ Dầu Một) Thành lập năm 2007	Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	(84-650) 363 1991	(84-650) 363 1992
6	Bình Dương (Thủ Dầu Một) Thành lập năm 2007	Ô 13A, Lô CN8, đường N5, KCN Sóng Thần 3, P.Phú Tân, Tp Thủ Dầu Một, Bình Dương	(84-650) 363 1991	(84-650) 363 1992
7	Hồ Chí Minh Thành lập năm 2008	14/20 QL 1A, ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	(84-8) 3760 0941	(84-8) 3760 0940

Stt	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
8	Bình Dương (Dĩ An) Thành lập: 11/09/2006	105/4A ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, Bình Dương	(84-650) 372 7783	(84-650) 372 7780

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



- **Đại hội đồng cổ đông:**

ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

- **Hội đồng quản trị:**

HDQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên HDQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HDQT.

- **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

- **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng giám đốc của Công ty gồm Tổng giám đốc Công ty và 03 Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc Công ty do HDQT bổ nhiệm (hoặc tuyển dụng), là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HDQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty mà không cần phải có ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

- **Khối Tổ chức-Hành chính gồm Phòng Nhân sự, Phòng Hành chính**

- Xây dựng, ban hành chính sách, quy chế về việc sử dụng, quản lý lao động, nội quy lao động, hệ thống thang lương, bảng lương, quy chế khen thưởng, kỷ luật;
- Tuyển dụng nhân viên, đào tạo, bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật;
- Thực hiện công tác định mức lao động, chấm công, tính lương, giải quyết các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, các chế độ lao động khác cho nhân viên;
- Xây dựng, ban hành quy chế về việc sử dụng, quản lý con dấu;
- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ, lễ tân, tổ chức hội họp;
- Mua sắm, cấp phát, quản lý sử dụng thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm.

• **Khối tổng hợp**

- Nghiên cứu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Xây dựng, bảo vệ thương hiệu;
- Hoạt động đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đại chúng (trong và ngoài nước), tiến hành các hoạt động PR;
- Đầu tư, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

• **Khối vận tải**

- Gồm đội xe lo việc vận chuyển người và hàng hóa của Công ty;
- Thực hiện bốc dỡ, giao nhận hàng hóa;
- Khai thác vận tải, tổ chức chở thuê hàng hóa.

• **Phòng cung ứng vật tư:** Chuyên thu mua các loại vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và các nhu cầu khác trong Công ty;

• **Phòng bảo vệ:** Chuyên lo vấn đề an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tài sản, thực hiện phòng chống cháy nổ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

• **Khối Xuất nhập khẩu gồm Phòng Nhập khẩu và Phòng Xuất khẩu:**

- Tìm hiểu thông tin thị trường thép thế giới, nhận định về diễn biến giá cả, nắm vững biểu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước khác, thông báo chính xác và kịp thời cho Tổng Giám đốc để đưa ra định hướng kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty;
- Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa của Công ty sang các nước;
- Thực hiện các thủ tục Hải quan, bộ chứng từ XNK, giao nhận hàng hóa tại các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ...

• **Khối Sản xuất-Kỹ thuật gồm các Nhà máy Sản xuất, Phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Phòng Kế hoạch-Thống kê-Điều độ Sản xuất và Phòng Cơ điện**

- Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới, kỹ thuật cao, quy trình hợp lý để sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng tốt, tiết kiệm chi phí sản xuất, gia tăng tính cạnh tranh của các sản phẩm do Công ty làm ra;
- Thiết kế, chế tạo các loại máy móc thiết bị phục vụ sản xuất;
- Thi công lắp dựng nhà xưởng, nhà kho, máy móc thiết bị,...;
- Quản lý toàn bộ hệ thống điện-tự động hoá;
- Mua sắm, theo dõi, quản lý sử dụng các thiết bị kiểm tra, đo lường;
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm do Công ty sản xuất, giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);
- Thực hiện công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động và vệ sinh công nghiệp;
- Huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật;

- Lập kế hoạch sản xuất, điều hành và quản lý sản xuất bảo đảm đúng tiến độ giao hàng, đạt chất lượng sản phẩm,...
 - **Khối Kinh doanh gồm Phòng Kinh doanh, Phòng Tiếp thị, Phòng Kế hoạch tổng hợp-Giao nhận-Gia công**
 - Xây dựng chiến lược Marketing, hệ thống phân phối, kế hoạch kinh doanh, cơ chế chính sách phục vụ công tác bán hàng và thu hồi công nợ;
 - Thực hiện công tác tuyên truyền, quảng cáo, lập kế hoạch quảng bá thương hiệu “Đại Thiên Lộc-DTLS”;
 - Phối hợp với Phòng Sản xuất để lập kế hoạch sản xuất, gia công, theo dõi tiến độ, tổ chức giao nhận hàng sản xuất, gia công và thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);
 - Giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác chăm sóc, phục vụ khách hàng.
 - **Khối tài vụ gồm Phòng Kế toán, Phòng Thống kê, Ban Kiểm toán nội bộ**
 - Lập kế hoạch tài chính-đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn; Xây dựng các quy chế lưu trữ chứng từ, luân chuyển chứng từ nội bộ, thanh toán nội bộ;
 - Thực hiện công tác quản lý tài sản và sử dụng vốn;
 - Phối hợp với Phòng Sản xuất để tính chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;
 - Phối hợp với phòng Hành chánh-Nhân sự tính tiền lương, thanh toán bảo hiểm xã hội, y tế, tai nạn và các chế độ khác cho nhân viên;
 - Lập báo cáo thuế, quyết toán thuế, báo cáo tài chính và các loại báo cáo khác theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Công ty;
 - Lập báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của Công ty;
 - Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ để bảo đảm tính chính xác và trung thực về số liệu nhằm hạn chế tối đa những sai sót có thể xảy ra.
4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/03/2013**

❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại 22/03/2013**
Bảng 1: Danh sách cổ đông của DTL nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại 22/03/2013

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	23/28 đường D2, Cư xá Văn Thánh Bắc, Phường 25, Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	19.623.287	196.232.870.000	39,14
2	Nguyễn Thị Bích Liên	327/47 Sư Vạn Hạnh, Phường 9, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh	7.181.775	71.817.750.000	14,32
3	Nguyễn Thanh Loan	23/28 đường D2, Cư xá Văn Thánh Bắc, Phường 25, Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	5.685.708	56.857.080.000	11,34
4	Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	Số 300/20, Đường ĐT 743a, Khu phố Chiêu Liêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Bình Dương	5.644.471	56.444.710.000	11,26
Tổng cộng			38.135.241	381.352.410.000	76,06

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

❖ **Danh sách cổ đông là người có liên quan tại 22/03/2013**

Theo quy định tại khoản 34 điều 6 Luật Chứng khoán thì người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

- e. Công ty mẹ, công ty con;
f. Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Bảng 2: Danh sách cổ đông là người có liên quan tại 22/03/2013

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Địa chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Có liên quan với ông Nguyễn Thanh Nghĩa-Chủ tịch HĐQT				
1	Nguyễn Thị Bích Liên	Vợ	327/47 Sư Vạn Hạnh, Phường 9, Quận 10, Tp.HCM	14,32
2	Nguyễn Thanh Loan	Con ruột	23/28 đường D2, Cư xá Văn Thánh Bắc, Phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM	11,32
3	Nguyễn Thanh Dung	Con ruột	23/28 đường D2, Cư xá Văn Thánh Bắc, Phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM	4,67
4	Nguyễn Quang Quảng	Anh ruột	Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	0,01
II. Có liên quan với bà Nguyễn Thị Bích Liên-Phó Chủ tịch HĐQT				
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Chồng	23/28 đường D2, Cư xá Văn Thánh Bắc, Phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM	39,14
2	Nguyễn Thanh Loan	Con ruột	23/28 đường D2, Cư xá Văn Thánh Bắc, Phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM	11,32
3	Nguyễn Thanh Dung	Con ruột	23/28 đường D2, Cư xá Văn Thánh Bắc, Phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM	4,67
III. Có liên quan với bà Lâm Thị Kim Phượng-Thành viên HĐQT				
1	Lâm Thị Thanh Nhân	Em ruột	An Lạc Thượng, Xã Xuân Đông, Chợ Gạo, Tiền Giang	0,015

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

❖ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại 22/03/2013**
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập của DTL tại 22/03/2013

Stt	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Số vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	022749812	19.623.287	196.232.870.000	39,14
2	Nguyễn Thị Bích Liên	020723726	7.181.775	71.817.750.000	14,32
	Tổng cộng		38.135.241	381.352.410.000	76,06

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trong thời hạn ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 12/04/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 15/07/2013, nên các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều đã được bãi bỏ.

❖ **Cơ cấu cổ đông tại ngày 22/03/2013**

Vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 22/03/2013 là 501.360.900.000 đồng, tương ứng với 50.136.900 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn cổ phần như sau:

Bảng 4: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 22/03/2013

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	326	46.617.390	466.173.900.000	92,98
1.1	Pháp nhân	31	6.765.618	67.656.180.000	13,49
1.2	Thế nhân	295	39.851.772	398.517.720.000	79,49
2	Ngoài nước	15	290.860	2.908.600.000	0,58
2.1	Pháp nhân	03	272.010	2.720.100.000	0,54
2.2	Thế nhân	12	18.850	188.500.000	0,03
3	Cổ phiếu quỹ	01	3.227.840	32.278.400.000	6,44
	Tổng cộng	342	50.136.090	501.360.900.000	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành**

Danh sách các công ty con của Đại Thiên Lộc đến thời điểm hiện tại

Bảng 5: Danh sách các công ty con của Đại Thiên Lộc đến thời điểm hiện tại

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ hiện tại	Lĩnh vực kinh doanh
1	Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN 8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	482.000.000.000	Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống ...; Mua bán sắt thép các loại. Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng...; Mua bán xe ô tô, xe tải... ; Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Xây dựng nhà các loại; Thi công hệ thống điện công trình. Thi công hệ thống nước công trình; Vận chuyển hàng hóa đường bộ.

Danh sách các công ty liên kết với Đại Thiên Lộc

Không có

Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối cổ phần đối với tổ chức phát hành

Không có

6. Quá trình tăng vốn của Công ty

Bảng 6: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý/đơn vị cấp
11/07/2001	6.000		Vốn ban đầu	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4602000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/07/2001
Năm 2006	50.000	44.000	Góp vốn bằng tiền mặt	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250, đăng ký thay đổi lần thứ 4, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/04/2006
Năm 2007	99.000	55.000	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đông không chuyên nghiệp	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/04/2007
01/2008	152.000	97.000	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đông không chuyên nghiệp	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 (số cũ 4603000334), do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/01/2008
10/11/2008- 15/11/2008	230.000	78.000	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đông không chuyên nghiệp	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh 3700381282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/12/2008. Đợt phát hành được chia thành 2 đợt tăng vốn bao gồm từ 152 tỷ đồng lên 192 tỷ đồng và từ 192 tỷ đồng lên 230 tỷ đồng

Thời gian	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý/đơn vị cấp
16/12/2008- 31/12/2008	253.000	23.000	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đồng không chuyên nghiệp	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 16/01/2009
31/07/2009	350.000	97.000	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đồng không chuyên nghiệp	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/08/2009
11/09/2009- 30/09/2009	388.000	38.000	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đồng không chuyên nghiệp	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/10/2009
24/06/2010	484.974,70	96.974,70	Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2009, với tỷ lệ 25%	Quyết định số : 194/QĐ- SGDHCM ngày 01/09/2010 do Sở Giao dịch chứng khoán cấp, quyết định về việc niêm yết bổ sung 9.697.470 cổ phiếu
12/01/2012	501.360,90	16.386,20	Thực hiện chuyển đổi 26.000 trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu. Giá chuyển đổi là 15.867 đồng/cổ phiếu	Quyết định số: 188/2011/ QĐ-SGDHCM ngày 26/12/2011 do Sở Giao dịch chứng khoán cấp, quyết định về việc niêm yết bổ sung 1.638.620 cổ phiếu

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

❖ Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty

Sản phẩm chính của Công ty bao gồm: tôn mạ kẽm, tôn mạ màu, tôn lạnh, thép cán nguội, thép cán nóng, thép tấm, thép hình, ống thép, xà gồ thép,...

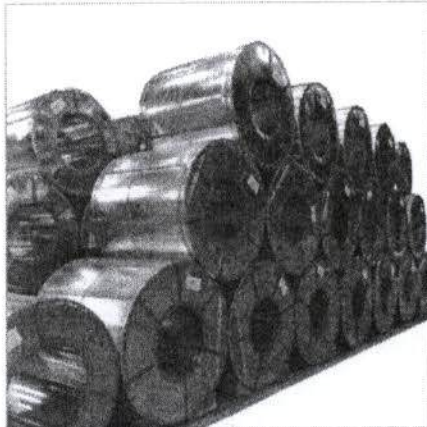
a. Tôn mạ kẽm:

- Tôn mạ kẽm là sản phẩm đầu tiên và cũng là sản phẩm chính của Công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn JIS G3302 SGCC, có bông kẽm, tráng phủ chromate, không phủ dầu, cứng/mềm.
- Nguyên liệu đầu vào là thép lá cán nguội dạng cuộn phù hợp tiêu chuẩn JIS G 3141 SPCC 1B/SB/SD.
- Tôn mạ kẽm được sản xuất trên cơ sở mạ kẽm và hợp kim trên nền thép lá cán nguội (thép lá đen).
- Hội tụ những ưu điểm như: bề mặt tôn phẳng, bông kẽm đẹp, sáng và bóng. Khả năng chống ăn mòn và bức xạ nhiệt tốt hơn so với sản phẩm khác.
- Lớp anti-finger (lớp phủ hữu cơ chống in dấu vân tay trên bề mặt kim loại) phủ trên bề mặt tôn có tác dụng chống oxy hóa, giữ cho bề mặt tôn sáng lâu, tránh bong tróc và trầy xước trong quá trình đập cán sóng và tạo hình.
- Sản phẩm được cung cấp dạng cuộn, dạng tấm lá hoặc cán sóng vuông, sóng tròn, sóng ngói, la phong, uốn vòm... Đa dạng về độ dày, khổ rộng, chiều dài để quý khách hàng có sự lựa chọn tốt nhất.
- Sản phẩm tôn mạ kẽm được sử dụng làm tấm lợp, trần nhà, mái che, cửa cuốn, máng xối, ống nước, vật dụng gia đình, thiết bị công nghiệp, các ứng dụng khác,...
- Tiêu chuẩn kỹ thuật:

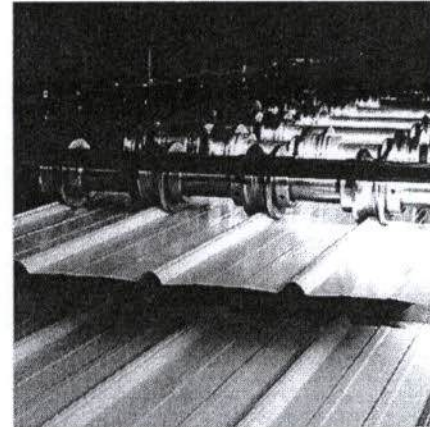
Bảng 7: Tiêu chuẩn kỹ thuật tôn mạ kẽm

Các yêu cầu kiểm tra	Tiêu chuẩn JIS G 3302	Kiểm tra thực tế
Độ bền va đập	500gr x 750mm (không tróc)	1000gr x 500mm (không tróc)
Độ bền uốn	0T-4T	0T-3T

Một số hình ảnh sản phẩm



Cuộn tôn mạ kẽm



Đập cán sóng tôn

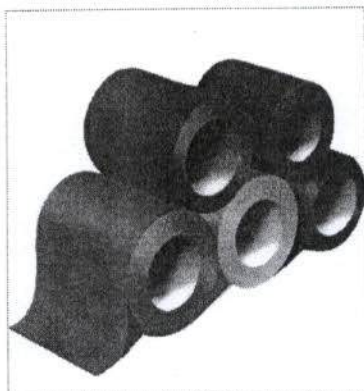
b. Tôn mạ màu:

- Năm 2006, với chủ trương mở rộng sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã đầu tư thêm một dây chuyền mạ màu với công suất 45.000 tấn/năm và đưa vào hoạt động từ tháng 06/2008.
- Sản phẩm này được đưa ra thị trường trong năm 2008 đã được đón nhận, ưa chuộng và đóng góp lớn cho doanh thu của Công ty cũng như khẳng định thương hiệu Đại Thiên Lộc.
- Tôn mạ màu DTLS được sản xuất theo tiêu chuẩn JIS G 3312 với nguyên liệu đầu vào là tôn mạ kẽm DTLS phù hợp tiêu chuẩn JIS G 3302.
- Được sản xuất trên cơ sở phủ sơn cao cấp của các hãng nổi tiếng thế giới như: Becker (Phân Lan), KCC (Hàn Quốc)... lên trên nền tôn mạ kẽm DTLS.
- Ưu điểm sản phẩm: lớp sơn bóng đẹp, bền màu, không bị bong tróc, trầy xước trong quá trình đập cán sóng và tạo hình, tuổi thọ cao hơn hẳn so với các sản phẩm cùng loại.
- Sản phẩm tôn mạ màu DTLS được sử dụng làm tấm lợp, trần nhà, mái che, cửa cuốn, máng xối, ống nước, vật dụng gia đình, thiết bị công nghiệp, các ứng dụng khác.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật tôn mạ màu

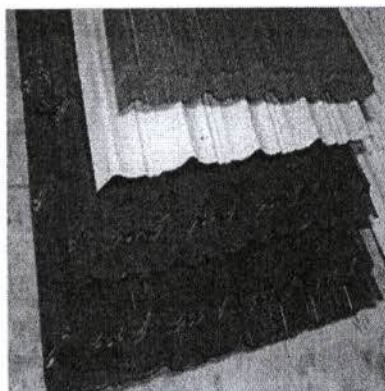
Bảng 8: Tiêu chuẩn kỹ thuật

Các yêu cầu kiểm tra	Tiêu chuẩn JIS G 3312	Kiểm tra thực tế
Độ bền va đập	750gr x 750mm (không tróc)	1000gr x 500mm (không tróc)
Độ bền uốn	0T-4T	0T-3T
Độ bóng	Không thể hiện	40-50
Độ cứng màng sơn	HB-3H	1H-3H
Độ bền màu	MEK 50DR	MEK > 100DR
Độ dày lớp sơn	Không yêu cầu	20μm-23 μm

Một số hình ảnh sản phẩm



Cuộn tôn mạ màu

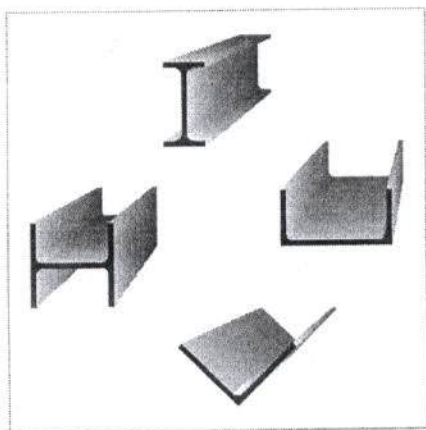


Tôn mạ màu

- c. **Tôn lạnh, thép cán nguội, thép cán nóng, thép tấm, thép hình, ống thép, xà gồ thép**

Đây là những sản phẩm được Công ty kinh doanh hiệu quả, nhất là sản phẩm thép lá vốn là thế mạnh của Công ty. Có lợi thế về các mối quan hệ lâu năm với các nhà cung ứng sản phẩm thép ở nước ngoài, Công ty là đầu mối nhập khẩu các lô hàng lớn và bán sỉ cho các doanh nghiệp thép trong nước, trong đó có Tôn Hoa Sen.

Một số hình ảnh sản phẩm

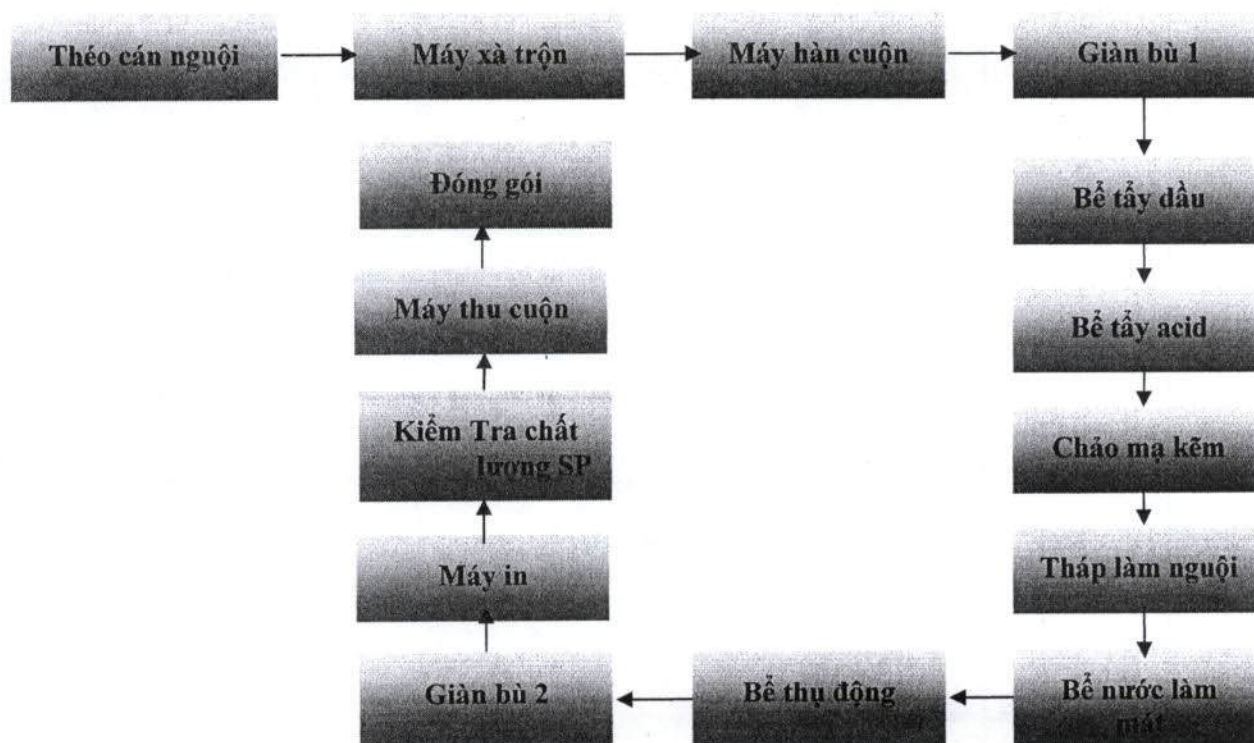


Thép tấm hình H-I-U-V

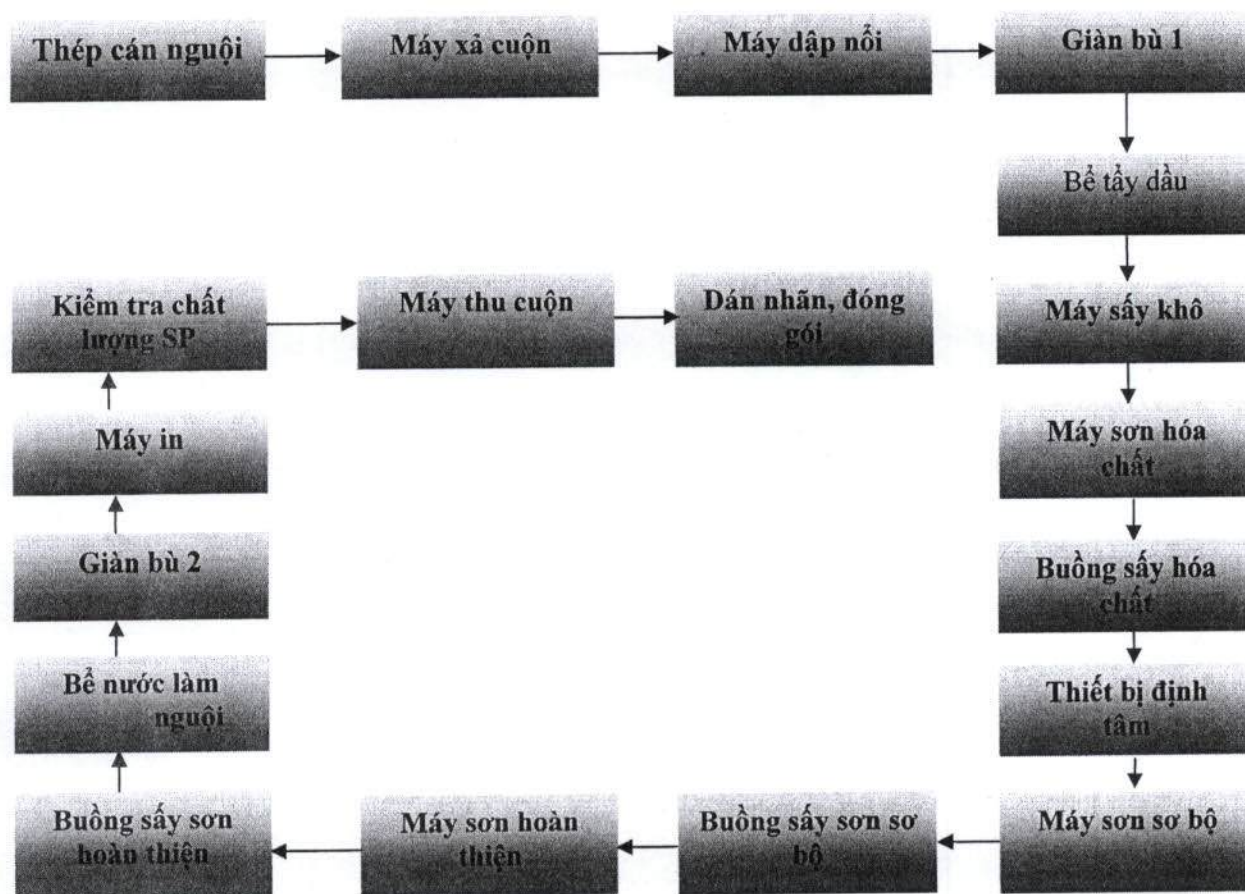
❖ **Quy trình sản xuất**

Quy trình sản xuất của Công ty tương đối hợp lý do đó đã góp phần giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu, giá thành sản phẩm và đưa sản phẩm tôn mạ kẽm và mạ màu của Công ty cạnh tranh hơn so với sản phẩm cùng loại của các doanh nghiệp khác trong ngành.

Sơ đồ 3: Quy trình sản xuất tôn mạ kẽm nhúng nóng liên tục:



Sơ đồ 4: Quy trình sản xuất tôn màu liên tục:



❖ Cơ cấu tổng doanh thu và lợi nhuận gộp các loại hình sản phẩm của Công ty

Bảng 9: Cơ cấu sản lượng các loại hình sản phẩm của Công ty 2011-2012 và 9T2013

Stt	Sản phẩm/Dịch vụ	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng 2013	
		Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)
I	Hoạt động sản xuất	50.880	100	74.065	100	89.519	100
1	Thép lá mạ kẽm	35.528	69,83	9.554	12,90	7.095	7,93
2	Thép lá mạ màu	15.352	30,17	24.539	33,13	22.793	25,46
3	Thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm		0	39.972	53,97	59.631	66,61
II	Hoạt động thương mại	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	50.880	100	74.065	100	89.519	100

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu các loại hình sản phẩm của Công ty 2011-2012 và 9T2013

Stt	Sản phẩm/Dịch vụ	Năm 2011		Năm 2012		9T2013	
		Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I	Hoạt động sản xuất	867.717	46,78	1.260.774	78,64	841.941	57,39
1	Thép lá mạ kẽm	475.246	25,62	359.059	22,40	87.716	5,98
2	Thép lá mạ màu	373.839	20,16	489.954	30,56	474.873	32,37
3	Thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm			270.710	16,88	279.352	19,04
4	Thành phẩm khác	18.632	1,00	141.051	8,80	-	-
II	Hoạt động thương mại	987.095	53,22	342.501	21,36	625.202	42,61
	Tổng cộng	1.854.812	100	1.603.277	100	1.467.144	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty 2011-2012 và 9T2013

Stt	Sản phẩm/Dịch vụ	Năm 2011		Năm 2012		9T2013	
		Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Hàng hóa	987.094,52	53,28	839.856,64	52,61	741.795,03	50,71
2	Thành phẩm	862.933,77	46,58	725.699,69	45,46	711.962,58	48,67
3	Cung cấp dịch vụ	60,57	-	25.002,66	1,57	4,52	-
4	Bán nguyên vật liệu/ phế liệu	4.723,14	0,25	12.677,45	0,79	13.385,94	0,92
5	Khác	-	-	40,10	-	-	-
6	Các khoản giảm trừ	(2.178,10)	(0,11)	(6.961,37)	(0,43)	(4.174,29)	(0,30)
	Tổng cộng	1.852.633,90	100	1.596.315,17	100	1.462.973,78	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty 2011-2012 và 9T2013

Stt	Sản phẩm/Dịch vụ	Năm 2011		Năm 2012		9T2013	
		Lợi nhuận (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Hàng hóa	196.063,02	54,70	17.649,08	11,14	35.595,42	40,22
2	Thành phẩm	162.225,27	45,26	130.684,50	82,48	53.487,15	60,44
3	Cung cấp dịch vụ	60,57	0,02	11,63	-	-	-
4	Bán nguyên vật liệu/phế liệu	62,54	0,02	10.066,18	6,35	(584,01)	(0,66)
5	Khác	-	-	40,10	0,03	-	-
	Tổng cộng	358.411,40	100	158.451,49	100	88.498,56	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty đã hoàn thành công trình tòa nhà 5 tầng, tổng diện tích sử dụng 5.500m² và đưa vào vận hành sản xuất ổn định các hạng mục đầu tư dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị. Bao gồm:

- 01 dây chuyền tẩy rửa (công suất thiết kế 600.000 tấn/năm);
- 02 dây chuyền thép lá cán nguội đảo chiều 12 trục (công suất thiết kế 200.000 tấn/năm);
- 01 dây chuyền thép lá cán nguội đảo chiều 6 trục (công suất thiết kế 150.000 tấn/năm);
- 02 dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm (công suất thiết kế 270.000 tấn/năm); trong đó, 01 dây chuyền đã đi vào sản xuất ổn định và 01 dây chuyền đang chạy thử;
- 02 dây chuyền mạ màu (công suất lần lượt 85.000 tấn/năm, 45.000 tấn/năm);
- 02 dây chuyền mạ kẽm (công suất 120.000 tấn/năm);
- 01 dây chuyền nắn phẳng tôn tốc độ 180m/p;
- 04 dây chuyền cán ống thép (công suất 30.000 tấn/năm).

Trong quá trình đầu tư, tiến độ thực hiện hiện dự án chậm hơn so với kế hoạch đề ra xuất phát từ một số yếu tố khách quan như:

- Về phía nhà cung cấp nước ngoài, hợp đồng ký kết với Công ty giá thấp, đến khi thực hiện thì giá cả nguyên liệu sắt thép, thiết bị tăng rất cao, họ bị lỗ nặng nên trì hoãn, kéo dài thời gian giao thiết bị dẫn đến hệ lụy là tiến độ thi công lắp đặt máy cũng kéo dài theo và dự án kéo dài so với kế hoạch. Tuy nhiên, đến cuối năm 2012, toàn bộ thiết bị máy móc của một số dây chuyền còn lại đã được giao đầy đủ.
- Công việc lắp máy do công nhân của công ty tự làm, không thuê đơn vị lắp máy chuyên nghiệp. Tiến độ lắp máy tuy không nhanh nhưng có nhiều cái lợi: một là được chuyên gia nước ngoài chỉ dẫn, giám sát thì công nhân học hỏi được kỹ thuật, công nghệ để nâng cao tay nghề, hai là thuận lợi cho công tác bảo trì, sửa chữa về sau, ba là tiết kiệm chi phí.

7.3. Hoạt động Marketing

Công ty đang tích cực đẩy mạnh hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu sản phẩm thông qua một số hoạt động như tham gia đầy đủ các kỳ triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước như: Triển lãm Vietbuild, Hội chợ hàng VN chất lượng cao và xuất khẩu tại Phnompenh (Campuchia), Hội chợ Thương mại quốc tế Việt-Lào tại Vientian (Lào), Hội chợ Thương mại quốc tế Việt Nam-Myanmar tại Yangon (Myanmar) nhằm giới thiệu sản phẩm thép với mong muốn khẳng định thương hiệu dựa trên chất lượng sản phẩm để cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành. Bên cạnh đó, Công ty có ưu điểm là nhạy bén trong việc nắm bắt thị trường nên luôn đáp ứng kịp thời các nhu cầu của từng loại sản phẩm.

Công ty hiện đang phân phối sản phẩm qua cả 2 kênh bán sỉ và bán lẻ. Tuy nhiên, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và ổn định thị trường, việc phân phối thông qua bán lẻ đang là ưu tiên hàng đầu.

a. Kênh bán hàng thông qua đại lý/nhà máy cán tôn, xà gỗ (bán sỉ)

- Hiện nay, Công ty đã có một hệ thống phân phối ổn định, bao gồm khoảng 415 đại lý phân phối sản phẩm rộng khắp trong cả nước.
- Khách hàng chủ yếu là các nhà máy cán tôn ở Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh thành trong cả nước. Các nhà máy cán tôn này phải đầu tư hệ thống cầu, máy xà cuộn tôn, máy cán sóng tôn các loại để dập cán sóng và cắt chiều dài tấm tôn theo yêu cầu cụ thể của từng công trình.

b. Kênh bán hàng trực tiếp (bán lẻ)

- Các chi nhánh của Công ty được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị như một nhà máy cán tôn để phục vụ bán lẻ và phải có kho chứa hàng để kịp thời cung cấp hàng bán sỉ cho các nhà máy cán tôn khác gần chi nhánh.
- Chính vì vậy, Công ty cần có nhiều chi nhánh ở hầu hết các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước. Đến hiện tại, Công ty đã lập 8 chi nhánh ở Tp.Đà Nẵng, thị xã Vĩnh Thanh-Hậu Giang, thị xã Bà Rịa-Vũng Tàu, thị trấn Dĩ An -Bình Dương, thị trấn Tân Uyên-Bình Dương, huyện Bình Chánh-Tp. Hồ Chí Minh. Công ty cũng đang xúc tiến việc thành lập thêm các chi nhánh ở Hà Nội, Hải Phòng, Nha Trang, Tây Nguyên, Tiền Giang, An Giang,...

c. Kênh xuất khẩu

- Bên cạnh việc tiêu thụ trong nước, Công ty cũng tập trung đẩy mạnh việc xuất khẩu sản phẩm kể từ năm 2007 sang các nước mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh.
- Đến nay, ngoài một số thị trường truyền thống như Lào, Campuchia thì Công ty đã xuất khẩu sản phẩm sang các nước ASEAN khác (Indonesia, Malaysia, Myanmar, Thái Lan, Singapore...), Ảrập Xêút, UAE, Bangladesh, Pakistan, Madagasca, Kenya, Congo, Sudan, Gambia,... với kim ngạch ngày càng tăng cao.
- Đối với các thị trường mới và chưa ổn định như trên, Công ty có chính sách linh động để hòa nhập với các tiêu chí quốc tế như: thanh toán quốc tế, chấp nhận một khoản không nhỏ chi phí trung gian để có được hợp đồng xuất khẩu, khẳng định uy tín của nhà sản xuất, chất lượng và giá thành của sản phẩm... Để đạt được

những tiêu chí này, Công ty phải có quan hệ tốt, có uy tín với các ngân hàng lớn, có thương hiệu quốc tế để bảo đảm việc thanh khoản được nhanh chóng tiện lợi, hàng hóa phải bảo đảm ổn định về chất lượng, giá cả để tạo uy tín và duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng.

d. Chính sách bán hàng

- Khách hàng chủ yếu của Công ty là các nhà máy cán tôn, cán xà gồ ở Tp.Hồ Chí Minh và các tỉnh thành trong cả nước. Mỗi khách hàng có những lợi thế riêng, họ có hệ thống phân phối riêng và có những nhu cầu rất khác nhau. Công ty thấu hiểu nhu cầu này nên chính sách tiêu thụ hết sức linh hoạt và uyển chuyển phù hợp với từng khách hàng.
- Ngoài yếu tố chất lượng sản phẩm tốt, giá cả hợp lý, Công ty cũng có những ưu đãi đối với đại lý như cấp tín dụng cho khách hàng (bán hàng gởi đầu). Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng là khác nhau tùy thuộc vào uy tín và khả năng tài chính của từng khách hàng. Chính sách ưu đãi của Công ty đối với các đại lý cụ thể như: tăng chiết khấu bán hàng, tăng hạn mức tín dụng, quà tặng v.v...
- Với những nét đặc thù nêu trên, chính sách giá cả của Công ty hết sức linh hoạt. Giá bán hàng thông thường theo bảng giá Công ty, đại lý được hưởng chiết khấu bán hàng. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện cụ thể về thanh toán, về giao nhận hàng, Công ty sẽ có mức chiết khấu hợp lý. Trong điều kiện có biến động về giá do ảnh hưởng thị trường quốc tế hoặc trong nước, lãnh đạo Công ty sẽ có những quyết định điều chỉnh phù hợp.

e. Tiếp thị sản phẩm

- Với chiến lược cho chất lượng sản phẩm tốt, giá cả hợp lý và hậu mãi chu đáo, trong thời gian qua thương hiệu Đại Thiên Lộc đã được nhiều khách hàng biết đến nên chi phí cho hoạt động tuyên truyền, quảng cáo của Công ty là không lớn.
- Tuy nhiên, để nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty cũng đang tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu bằng nhiều hình thức như: tham gia các kỳ triển lãm hội chợ trong và ngoài nước; lắp dựng bảng/biểu ngữ quảng cáo ngoài trời; kết hợp quảng cáo bằng hiệu đại lý; đăng quảng cáo trên báo, tạp chí, truyền hình; dán logo, thương hiệu trên các xe của công ty...; tặng phẩm của Công ty như: bộ bình trà, bình cắm hoa, quần áo thể thao, đồng hồ, bút bi... có in logo, thương hiệu Đại Thiên Lộc-DTLS.
- Các hội chợ/ triển lãm mà Công ty đã tham gia như:
 - Hội chợ Vietbuild 2006, 2007, 2008, 2009, 2011, 2012;
 - Hội chợ Việt Nam Hội nhập kinh tế Quốc tế (Sao vàng đất Việt) 2009 tổ chức tại Hà Nội;
 - Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao và xuất nhập khẩu tổ chức tại Phnôm Pênh (Campuchia) năm 2007, 2008;
 - Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt-Lào tổ chức tại Vientian (Lào) năm 2008;

- Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Nam-Myanmar tổ chức tại Yangon (Myanmar) năm 2009.
- Ngoài ra, Công ty cũng có tham gia các hoạt động xã hội như:

Năm 2011

- Ủng hộ quỹ vì người nghèo tỉnh Bình Dương số tiền 50 triệu đồng;
- Tài trợ quỹ học bổng “DTL-Thắp sáng ước mơ sinh viên Bình Dương”, số tiền 100 triệu đồng;
- Hỗ trợ khám, chữa bệnh, tặng quà cho người nghèo, cho một số học sinh có thành tích học tập tốt tại thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, số tiền 70 triệu đồng;
- Tài trợ chương trình “Giải thưởng Sao vàng đất Việt-Vì trẻ thơ có hoàn cảnh khó khăn năm 2011”, số tiền 100 triệu đồng;
- Ủng hộ quỹ hỗ trợ thanh niên xa quê có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Bình Dương năm 2011 do Tỉnh đoàn Bình Dương tổ chức, số tiền 100 triệu đồng;
- Ủng hộ Công đoàn các khu công nghiệp Bình Dương cho những công nhân bị tai nạn lao động, số tiền 31 triệu đồng;
- Ủng hộ quỹ vì người nghèo của quận Bình Thạnh-Tp.Hồ Chí Minh, số tiền 30 triệu đồng;
- Ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa cho một số gia đình ở Bến Tre-Bình Phước, gia đình chính sách ở Phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương số tiền 162 triệu đồng;
- Tài trợ chương trình “Những trái tim đồng cảm” do tạp chí Gia đình và trẻ em, Báo Lao động xã hội và Hội chữ thập đỏ Hà Nội đồng tổ chức, số tiền 33 triệu đồng;
- Ủng hộ quỹ vì người nghèo của Hội chữ thập đỏ tỉnh Bình Dương, số tiền 20 triệu đồng;
- Ủng hộ cho Hội cựu chiến binh Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, số tiền 20 triệu đồng;
- Ủng hộ cho các cá nhân, gia đình có công với cách mạng nhân ngày “Thương binh- Liệt sĩ” 27/07, số tiền 28,8 triệu đồng;
- Hỗ trợ cho nạn nhân bị nhiễm chất độc màu da cam và gặp thiên tai, số tiền 20 triệu đồng;

Năm 2012

- Tài trợ quỹ học bổng “DTL-Thắp sáng ước mơ Sinh viên Bình Dương”, số tiền 100 triệu đồng;
- Ủng hộ các gia đình khó khăn, quỹ vì Người nghèo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bình Dương, UBND Thị xã Dĩ An, Hội chữ Thập đỏ tỉnh Bình Dương, số tiền 285 triệu đồng;

- Ủng hộ cho các cá nhân, gia đình có công với cách mạng nhân ngày “Thương binh-Liệt sĩ” 27/7, số tiền 41 triệu đồng;
- Tài trợ chương trình “Đền ơn đáp nghĩa” tại xã Đức Hòa, tỉnh Long An, số tiền 150 triệu đồng;
- Tài trợ chương trình “Ngày hội trung thu và trao học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn lần thứ 9, tỉnh Bình Dương năm 2012”, số tiền 20 triệu đồng;
- Tài trợ chương trình “Xuân với trẻ em khó khăn lần thứ 4”, số tiền 40 triệu đồng;

7.4. **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế, bản quyền**

- Thương hiệu đăng ký: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- Logo Công ty:



DTLS
ĐẠI THIÊN LỘC

- Nhãn hiệu Công ty đã được đăng ký độc quyền số 105689 theo Quyết định số: 14383/QĐ-SHTT, ngày 23/07/2008 do cục Sở hữu Trí tuệ cấp.
- Ý nghĩa thương hiệu:
 - Hình oval với những nét màu xanh (màu xanh là màu nước vì 3/4 trái đất là nước) mô phỏng hình dáng quả địa cầu;
 - Ba chữ Đại Thiên Lộc viết tắt thành DTL màu đỏ, được cách điệu nằm trên quả địa cầu, chữ D bao quanh quả địa cầu với nét đứng nằm nghiêng như trục quay của quả địa cầu. Chữ T và L là những con đường đi đến phát triển, hội nhập. Ý nghĩa là công ty mong muốn phát triển, mở rộng kinh doanh xuất nhập khẩu sang nhiều nước trên thế giới, khẳng định chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế theo phương châm “Ổn định-Hội nhập-Phát triển-Toàn cầu”;
 - Dưới hình chính là chữ DTLS màu xanh và dòng chữ đầy đủ Đại Thiên Lộc màu đỏ. Màu xanh là màu của sự mong ước, hi vọng và cũng là màu có tính cách của tập đoàn, tạo ra sự bình ổn. Màu đỏ là màu thu hút chú ý, thích hợp cho việc bán hàng. Màu đỏ cũng thể hiện tính năng động, niềm khát khao thành công và đạt được mục tiêu. Màu đỏ còn là màu của ý chí, niềm đam mê, cũng như sức mạnh của ý chí, là màu của người người đi đầu trong lĩnh vực sáng tạo.
 - Đại Thiên Lộc mong muốn được hợp tác lâu dài (ổn định) với tất cả mọi người, mọi khách hàng, đối tác trong và ngoài nước. Thương hiệu Đại Thiên Lộc hướng đến tương lai, đồng hành cùng đối tác để tạo “Dựng Tương Lai” trên cơ sở mọi người cùng có lợi (viết tắt ba chữ Đại Thiên Lộc và Dựng Tương Lai là DTL).
 - Thời gian bảo hộ: Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn 28/04/2006 (có thể gia hạn).

- Danh mục sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhóm 06: Thép lá mạ kẽm, mạ màu và mạ hợp kim; tôn kẽm (tôn lạnh); tôn lợp; cấu kiện xây dựng bằng sắt thép; khung nhà kho bằng sắt.
- Hình ảnh logo mới của Công ty:



Công ty đang nộp hồ sơ đăng ký độc quyền đối với logo này. Công ty sẽ chính thức thay đổi logo Công ty và công bố thông tin rộng rãi ngay khi nhận được quyết định từ Cục Sở hữu Trí tuệ cấp.

7.5. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 13: Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Đối tác- Quốc gia	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Giá trị (USD)
1	Andaru Singapore PTE LTD	Thép lá không hợp kim, mạ hợp kim nhôm kẽm, chưa phủ sơn dạng cuộn	04 tháng	202.623
2	Tata International metals (Asia) limited	Thép lá không hợp kim, mạ hợp kim nhôm kẽm, phủ sơn dạng cuộn	03 tháng	323.100
3	Simitomo corporation	Thép lá không hợp kim, mạ hợp kim nhôm kẽm, chưa phủ sơn dạng cuộn	02 tháng	2.588.500
4	Stellfore (S.E.A) PTE LTD	Thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm	03 tháng	755.750
5	Assava metal (Thailand) co.L td	Thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm	02 tháng	1.267.750

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất

Bảng 14: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% Tăng/ giảm	9 tháng 2013
1	Tổng giá trị tài sản	1.808.997.506.468	1.912.376.457.395	5,71	2.095.326.278.235
2	Doanh thu thuần	1.852.633.900.532	1.596.315.182.571	(13,84)	1.462.969.259.918
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	179.535.695.765	19.153.041.112	(89,33)	12.275.793.620
4	Lợi nhuận khác	(2.197.384.595)	(4.672.156.449)	112,62	(1.928.327.322)
5	Lợi nhuận trước thuế	177.338.311.170	14.480.884.663	(91,83)	10.347.466.298
6	Lợi nhuận sau thuế	162.385.305.750	13.185.162.056	(91,88)	10.438.492.444
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	20	10	(50,00)	-

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Giai đoạn 2011–2012 thực sự là những năm khó khăn đối với ngành thép nói chung và Công ty nói riêng. Kinh tế trong nước thời gian này có những diễn biến xấu, tỷ lệ lạm phát lớn, lãi suất tăng cao (năm 2011 lãi suất cho vay trên 22%/năm), chi phí nguyên vật liệu đầu vào biến động thất thường theo xu hướng tăng, chi phí nhân công, v.v... cũng đều tăng mạnh, trong khi đó, thị trường tiêu thụ thép ảm đạm, mãi lực suy yếu khiến giá thép thành phẩm bán giảm mạnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2011, doanh thu tăng 2% nhưng lợi nhuận ròng giảm 13,5% so với cùng kỳ năm 2010. Nguyên nhân do thị trường thép ảm đạm, sức tiêu thụ chậm, giá cả biến động, thêm vào đó nguồn vốn sản xuất kinh doanh và đầu tư chủ yếu là vốn vay nên Công ty phải trả chi phí lãi vay lớn trên 81 tỷ đồng. Năm 2012, kết quả kinh doanh tiếp tục suy giảm, doanh thu từ các hoạt động sản xuất, xuất khẩu, thương mại của Công ty giảm lần lượt là 16,39%, 52,87% và 15,01%, bên cạnh đó chi phí mua sắm tài sản, chi phí khấu hao tăng mạnh lần lượt là 48,20% và 114,19%. Kết quả tổng doanh thu chỉ bằng 86% và lợi nhuận ròng giảm hơn 90% so với năm 2011.

Mặc dù hoạt động kinh doanh khó khăn, nhưng kết quả kinh doanh của Công ty vẫn có lời trong khi rất nhiều doanh nghiệp (niêm yết) trong ngành thua lỗ.

Tình hình kinh doanh thép trong ba quý đầu năm tuy có nhiều dấu hiệu khả quan nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Ví dụ như giá các nguyên liệu đầu vào để sản xuất thép tiếp tục xu hướng giảm và chững lại nhưng giá bán lẻ thép trong nước không điều chỉnh nhiều. Tuy nhiên, các doanh nghiệp ngành thép đang phải đối mặt với nhiều khó khăn điển hình như: sản phẩm thép Trung Quốc vẫn tiếp tục nhập về Việt Nam nhiều và mức giá thấp hơn hàng

trong nước hơn 1 triệu đồng/tấn, giá điện tăng làm giá thành sản xuất thép tăng lên, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh với hàng ngoại, điều này khiến nhiều doanh nghiệp thép phải giảm công suất hơn 50% hoặc chỉ sản xuất cầm chừng. Ngoài ra, tình hình thị trường bất động sản trong nước – ngành tạo cầu cho ngành thép chưa có dấu hiệu hồi phục, nhiều công trình xây dựng bị tạm ngưng khiến cho sức tiêu thụ không cao.

Hoạt động kinh doanh của Công ty không nằm ngoài phạm vi bị ảnh hưởng nêu trên. Kết thúc 09 tháng đầu năm, Công ty ghi nhận doanh thu đạt 1.463 tỷ đồng (tăng 41% YoY) nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 10,4 tỷ đồng, giảm hơn một nửa so với cùng kỳ 2012. Riêng trong quý 3 2013, doanh thu tăng mạnh (đạt 178,2 tỷ đồng, tăng 56% YoY), nguyên nhân là do Công ty đẩy mạnh giải phóng hàng tồn kho. Tuy nhiên, do giá thép nguyên liệu nhập khẩu trong quý 3 tăng làm tăng giá vốn hàng bán. Ngoài ra, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong quý cũng tăng khiến lợi nhuận của Công ty giảm so với cùng kỳ. Dự báo tình hình kinh doanh trong quý cuối năm tiếp tục gặp khó khăn khi nhu cầu tiêu thụ thép xây dựng giảm trong mùa mưa bão. Do đó, Công ty có thể sẽ gặp nhiều khó khăn để hoàn thành được chỉ tiêu lợi nhuận đặt ra trong năm 2013. Tổng tài sản tính đến 30/09/2013 đạt 2.095 tỷ đồng, tăng gần 10% so với cuối năm 2012.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn giai đoạn vừa qua, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Tính đến ngày 31/12/2012, một số dây chuyền như dây chuyền tẩy rửa, hai dây chuyền thép lá cán nguội 12 trục, một dây chuyền thép lá cán nguội 6 trục, dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm đã đưa vào sản xuất. Thành công bước đầu này sẽ góp phần gia tăng sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Ngoài ra, các dây chuyền khác như: dây chuyền thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm đang trong giai đoạn hoàn chỉnh, điều này sẽ giúp cho Công ty chủ động hơn về nguồn nguyên liệu.
- Ban lãnh đạo là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh thép sẽ giúp Công ty đưa ra những quyết định kịp thời và hiệu quả trong việc dự trữ và luân chuyển hàng tồn kho.
- Do tính chất đặc thù của ngành là tỷ lệ nợ vay cao dùng để tài trợ cho các hợp đồng nhập khẩu và đầu tư máy móc, thiết bị nên chi phí lãi vay thường chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng chi phí hoạt động của các công ty trong ngành thép. Hiện tỷ lệ nợ vay của Công ty là 65%, xu hướng lãi suất cho vay giảm và ổn định sẽ giúp Công ty giảm được một khoản chi phí tài chính khá lớn so với năm 2012.

❖ Khó khăn:

- Sự suy thoái của kinh tế thế giới đã thu hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn và tác động tiêu cực đến kinh tế-xã hội trong nước, ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động xuất khẩu của Công ty.

- Tình hình khó khăn trong hệ thống ngân hàng khiến các ngân hàng thận trọng hơn trong hoạt động cho vay, một số ngân hàng rút vốn và không tiếp tục cho vay, điều này đã làm mất cân đối tài chính, dòng tiền không được xoay vòng liên tục để sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, không những không nhận nợ được từ phía ngân hàng mà công ty phải trả lãi vay rất lớn với số tiền trên 87 tỷ đồng cho cả nguồn vay từ cá nhân và ngân hàng;
- Giá cả nguyên vật liệu đầu vào, giá cả nhiên liệu như dầu, than, giá điện... đang và tiếp tục tăng cao thu hẹp tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp trong ngành thép.
- Hiện Trung quốc là quốc gia sản xuất phôi thép lớn nhất thế giới (chiếm 47% thị phần), do đó giá thành sản phẩm thép Trung Quốc khá thấp, sản lượng thép Trung Quốc nhập về Việt Nam đang gia tăng với mức giá thấp hơn hàng trong nước hơn 1 triệu đồng/tấn làm ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của các sản phẩm trong nước, dẫn đến giảm sức tiêu thụ, tác động tiêu cực đến chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Tình hình thị trường bất động sản trong nước - ngành tạo cầu cho ngành thép chưa có dấu hiệu hồi phục, nhiều công trình xây dựng bị tạm ngưng khiến cho sức tiêu thụ không cao.
- Việc đầu tư khu liên hợp thép Đại Thiên Lộc kéo dài so với dự kiến, một phần nguyên nhân là do nhà cung cấp nước ngoài giao thiết bị chậm trễ, dẫn đến việc lắp đặt kéo dài; Đội ngũ công nhân vận hành chưa quen với công nghệ Châu Âu nên còn có sai sót, sản lượng chưa đạt theo yêu cầu và công suất của máy cũng chưa đạt đến mức tối đa.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay, DTL là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng thép dẹt. Hệ thống các dây chuyền trong khu liên hợp sản xuất thép được đầu tư tạo thành một vòng khép kín; từ việc xử lý nguyên liệu đầu vào cho đến khi ra sản phẩm mạ, tức là từ thép cán nóng (tôn đen) ra sản phẩm là thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép lá mạ màu (tôn màu), thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh).

Công ty có sản phẩm chủ lực là tôn mạ kẽm và mạ màu là một trong những sản phẩm thép thu hút khách hàng trong và ngoài nước do có nhiều ưu điểm (chất lượng tốt hơn, quy cách hàng hóa đa dạng hơn thỏa mãn nhu cầu khách hàng, giá xuất khẩu cạnh tranh hơn do lãi trên một tấn hàng ít hơn nhưng bù lại xuất khẩu với số lượng nhiều hơn).

Ngoài ra, sản phẩm mạ kẽm có độ dày dưới 0,2mm không được nhiều doanh nghiệp trong nước sản xuất do sản phẩm này khó sản xuất hơn hàng dày (trên 0,2mm) vì tôn quá mỏng khó kiểm soát độ mạ, bông kẽm, tôn dễ bị đứt đoạn, mất nhiều thời gian ngừng máy xử lý, chi phí sản xuất tăng cao... Để chạy quy cách này công nhân cần phải được huấn luyện kỹ lưỡng, vận hành thuần thục dây chuyền, có kinh nghiệm xử lý sự cố.

Đối với hoạt động xuất khẩu, Công ty có các sản phẩm tốt, giá cả cạnh tranh tạo nên lợi thế cạnh tranh xuất khẩu sản phẩm sang thị trường Trung Đông (Arab Saudi, UAE...), Bangladesh, Pakistan, Madagasca, Kenya, Congo, Sudan, Gambia, Peru, Colombia... và các nước ASEAN (Indonesia, Malaysia, Myanmar, Thái Lan...), ngoài 2 thị trường truyền thống là Lào và Campuchia, đây là 2 quốc gia mà những doanh nghiệp thép khác luôn nhắm đến.

Công ty đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất, trang thiết bị hiện đại, do công nhân của nhà máy tự lắp ráp nên giảm được chi phí lắp đặt; đồng thời, qua đó có điều kiện để học hỏi và thực hiện việc bảo trì, sửa chữa về sau.

Bên cạnh đó, Công ty có khả năng quản lý chi phí sản xuất tốt do đó tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu của Công ty luôn được duy trì ổn định ở mức khoảng 80%, thấp hơn so với của một số doanh nghiệp sản xuất thép khác. Điều này có thể đạt được là do Công ty đã chấp nhận đầu tư lớn vào các máy móc, công nghệ hiện đại không những thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất mà còn giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và cho ra sản phẩm chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu cao đối với ngay cả khách hàng quốc tế.

Trong hoạt động vay vốn ngân hàng, Công ty được đánh giá là doanh nghiệp có uy tín và được các tổ chức tín dụng/ngân hàng chấp thuận hỗ trợ vốn khi cần thiết.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Thép và các sản phẩm thép là những loại vật liệu chiến lược không thể thiếu không chỉ của ngành công nghiệp, xây dựng mà của cả lĩnh vực dân dụng và quốc phòng, có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do vậy, ngành thép luôn được nhà nước xác định là ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Sự tăng trưởng của ngành thép gắn liền với sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Từ những năm 60 của thế kỷ XX, Khu liên hiệp Thép Thái Nguyên sản xuất mẻ gang đầu tiên đánh dấu sự phát triển của ngành thép Việt Nam. Năm 1990, Ngành thép Việt Nam tiếp tục có những bước phát triển vượt bậc khi Tổng công ty Thép Việt Nam ra đời. Từ một nước chủ yếu phải nhập khẩu thép, năm 1995, Việt Nam đã đạt sản lượng sản xuất thép là 450.000 tấn. Giai đoạn 1996-2000, sản lượng sản xuất đạt 1,57 triệu tấn. Đến năm 2012, sản lượng thép đạt 9,1 triệu tấn.

Hiện nay, lực lượng tham gia sản xuất và gia công thép trong nước rất đa dạng, bao gồm nhiều thành phần kinh tế, ngoài Tổng công ty Thép Việt Nam và các cơ sở quốc doanh thuộc các ngành, các địa phương còn có các công ty cổ phần, công ty 100% vốn nước ngoài và các công ty tư nhân. Theo thống kê của Hiệp hội thép (VSA), ngành thép đang có khoảng 400 doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất thép các loại. Cho tới nay, với năng lực sản xuất của các nhà máy trong nước có thể đáp ứng được 100% nhu cầu thép thanh, thép cuộn phi 6-phi 8 mm, thép hình cỡ nhỏ, ống thép hàn, thép mạ kim loại, thép phủ màu và cuộn thép cán nguội. Tuy nhiên, các chủng loại thép khác như thép cuộn cán nóng, thép hợp kim, thép chế tạo cơ khí, thép tấm cán nóng, thép tấm cán nguội... còn phải nhập khẩu.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang trong giai đoạn khủng hoảng, các ngành sản xuất nói chung và ngành thép nói riêng đều phải chịu nhiều tác động tiêu cực. Sản lượng tiêu thụ thép

ở thị trường trong nước sụt giảm đáng kể, các doanh nghiệp sản xuất chỉ hoạt động cầm chừng và tồn kho cao, mặt khác chi phí sản xuất tăng cao là bài toán khó cho tất cả các doanh nghiệp trong ngành.

Trước những khó khăn như vậy, xuất khẩu thép được coi là giải pháp giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tái sản xuất. Hiện nay, thị trường xuất khẩu thép đã được mở rộng ra 20 nước và vùng lãnh thổ, chủ yếu là khu vực Đông Nam Á.

Hiện tỷ lệ tiêu thụ thép bình quân của Việt Nam vẫn ở mức rất thấp, 128kg thép/người năm 2010 so với mức bình quân 193kg của thế giới và 275kg của khu vực Asian. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và phát triển hạ tầng tiếp tục là yếu tố thúc đẩy nhu cầu sử dụng thép. Tốc độ đô thị hóa trung bình hàng năm của Việt Nam trong 10 năm qua vào khoảng 3,4%; tỷ lệ ước tính trong 10 năm tới vào khoảng 3%. Theo kế hoạch, tỷ lệ đô thị hóa có thể đạt 50% vào năm 2025.

Do đó, tiềm năng phát triển ngành thép còn rất lớn. Để đáp ứng nhu cầu về mặt hàng thép trong nước và xuất khẩu, các doanh nghiệp sản xuất thép không ngừng nâng cao năng lực sản xuất, sử dụng những công nghệ hiện đại trên thế giới. Bên cạnh đó, Nhà nước và Chính phủ có sự hỗ trợ tích cực cho sự phát triển ngành như các chính sách khôi phục thị trường bất động sản, chính sách giảm tỷ giá kích thích xuất khẩu... Vì vậy, cùng với sự hồi phục của nền kinh tế, ngành thép có triển vọng phát triển lạc quan trong thời gian tới.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

9.3.1 Định hướng phát triển của Công ty cho giai đoạn 2013-2014

Với nguồn lực hiện có của công ty và sự nhận định, đánh giá về tình hình chung của ngành thép, Công ty đề ra mục tiêu chiến lược phát triển như sau:

- Nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm mức tăng trưởng cao và bền vững; gia tăng giá trị cho cổ đông;
- Xây dựng hệ thống quản lý một cách toàn diện, phát huy những lợi thế có sẵn và hạn chế các mặt yếu kém còn tồn tại;
- Xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định vị thế của Đại Thiên Lộc trên thương trường Việt Nam và quốc tế;
- Xử lý tốt nguồn chất thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp, làm giảm thiểu tác động có thể gây ô nhiễm môi trường;
- Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của Cán bộ công nhân viên và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.

9.3.2 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Theo Quyết định số 145/2007/QĐ-TTg ban hành ngày 04/09/2007 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thép Việt Nam giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2025 với mục tiêu là:

- Xây dựng và phát triển ngành thép Việt Nam thành một ngành công nghiệp quan trọng, bảo đảm phát triển ổn định và bền vững, giảm thiểu sự mất cân đối giữa sản xuất gang, phôi thép với sản xuất thép thành phẩm, giữa sản phẩm thép dài với sản phẩm thép dẹt ngành thép Việt Nam.
- Xây dựng ngành thép Việt Nam với công nghệ tiên tiến hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên của đất nước, bảo đảm hài hoà với bảo vệ môi trường sinh thái tại các địa bàn phát triển ngành thép.
- Coi trọng và khuyến khích các thành phần kinh tế, các ngành kinh tế trong nước liên kết, hợp tác với nước ngoài đầu tư xây dựng một số tổ hợp mỏ-luyện kim, nhà máy thép liên hợp và nhà máy cán các sản phẩm thép dẹt quy mô lớn.
- Mục tiêu phát triển tổng thể của ngành thép Việt Nam là đáp ứng tối đa nhu cầu về các sản phẩm thép của nền kinh tế, tăng cường xuất khẩu.

Xét trên phạm vi thị trường thép thế giới, theo báo cáo vừa được Hiệp hội Thép thế giới (WSA) gồm 170 nhà sản xuất công bố, nhu cầu sử dụng thép trên toàn cầu dự kiến tăng 3,1% trong năm nay lên 1,475 tỷ tấn. WSA cũng dự báo sang năm 2014 nhu cầu thép trên thế giới sẽ tiếp tục tăng mạnh hơn với 3,3% lên 1,52 tỷ tấn. Chủ tịch WSA cho biết, ngành công nghiệp thép đang trải qua giai đoạn khó khăn nhưng nhu cầu thép trên toàn cầu sẽ phục hồi nhờ các nền kinh tế phát triển trở lại mức tăng trưởng dương.

Như vậy, định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2013 là 673 người, với cơ cấu phân theo trình độ chuyên môn được thể hiện như sau:

Bảng 15: Cơ cấu lao động

Stt	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo giới tính	673	100
1	Nam	595	88,41
2	Nữ	78	11,59
II	Phân theo trình độ chuyên môn	673	100
1	Đại học và Trên đại học	103	15,31

Stt	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
2	Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp	130	19,32
3	Công nhân kỹ thuật	202	30,01
4	Lao động phổ thông	238	35,36

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

10.2. Các chính sách đối với người lao động

10.2.1 Chính sách về chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 7 giờ 30 phút sáng đến 5 giờ chiều. Riêng công nhân sản xuất làm việc 3 ca/ngày.
- Tất cả CBCNV đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn;
- Điều kiện làm việc: Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho CBCNV của Công ty. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

10.2.2 Chính sách lương-thưởng

Công ty xây dựng quy chế trả lương với mục đích khuyến khích người lao động tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, kết hợp hài hòa giữa lợi ích người lao động và Công ty, đảm bảo mức thu nhập tối thiểu và không hạn chế mức thu nhập tối đa của người lao động.

Công ty thường điều chỉnh nâng lương cho người lao động phù hợp với điều kiện kinh tế.

Công ty thực hiện khoán lương đến người lao động. Mức khoán căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế dựa trên cơ sở:

- Mức tiêu hao kim loại, vật tư, điện năng, dầu D.O, thiết bị phụ tùng thay thế, sửa chữa tính trên số lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn.
- Doanh thu bán hàng, thu hồi công nợ hàng tháng.
- Chỉ tiêu lợi nhuận hàng tháng.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước.

Công ty có chính sách tiền thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết; thưởng do hoàn thành kế hoạch và vượt mức chỉ tiêu; thưởng do có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

Đặc biệt thưởng nóng khi cán bộ, nhân viên đạt doanh số/sản lượng bán hàng cao.

Ngoài ra, Công ty còn có nhiều chế độ, chính sách ưu đãi đối với lao động giỏi, lao động có tính sáng tạo, bán hàng hiệu quả, có thời gian làm việc lâu năm... thông qua thang bảng lương và các chế độ khác mà pháp luật quy định.

10.2.3 Chính sách đào tạo

- Công ty rất chú trọng đến việc đào tạo và tái đào tạo để nâng cao tay nghề, kiến thức chuyên môn, kiến thức quản lý, ngoại ngữ... cho CBCNV.
- Công ty thường xuyên tổ chức đánh giá năng lực của CBCNV để bố trí và tái bố trí phù hợp với công việc đảm nhận.
- Có chế độ đãi ngộ xứng đáng để thu hút đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân có tay nghề cao.
- Tạo cơ hội thăng tiến cho những người lao động có năng lực, có phẩm chất, có đóng góp tích cực vào sự phát triển của Công ty. Đề bạt lên những vị trí quan trọng như: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Trưởng phòng, Phó phòng, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng ca sản xuất...

10.2.4 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Chưa có

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hằng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 đã đạt được, Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông về tỷ lệ chia cổ tức năm 2012 là 10% bằng cổ phiếu và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 tổ chức vào ngày 25/04/2012 thông qua mức chi trả cổ tức này. Những năm tiếp theo Công ty tiếp tục thực hiện chính sách cổ tức theo định hướng ổn định lâu dài và ưu tiên đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảng 16: Tỷ lệ chi trả cổ tức qua một số năm

Năm	2009	2010	2011	2012
Tỷ lệ chia cổ tức	30%	30%	20%	10%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư sửa đổi bổ sung.

12.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

❖ Báo cáo vốn điều lệ và tình hình sử dụng vốn điều lệ

Bảng 17: Báo cáo vốn điều lệ và tình hình sử dụng vốn điều lệ của Công ty

Thời gian	Nguồn tăng	Mục đích sử dụng	Tình hình sử dụng vốn
Thành lập với vốn điều lệ là 6.000.000.000 đồng			
Năm 2006	Góp vốn bằng tiền mặt 44.000.000.000 đồng.	Mở rộng sản xuất kinh doanh	
Năm 2007	Góp vốn bằng tiền mặt 55.000.000.000 đồng.	Mở rộng sản xuất kinh doanh	
01/2008	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đông không chuyên nghiệp 9.700.000 cổ phần.	Đầu tư dây chuyền sản xuất	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm tại Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
10/11/2008-15/11/2008	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đông không chuyên nghiệp 7.800.000 cổ phần.	Đầu tư dự án Sóng Thần 3	Thành lập Khu liên hợp Sản xuất Thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương với diện tích đất 105.285m ²
16/12/2008-31/12/2008	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đông không chuyên nghiệp 2.300.000 cổ phần.	Đầu tư dự án Sóng Thần 3	Đầu tư dự án Sóng Thần 3.
07/2009	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đông không chuyên nghiệp 9.700.000 cổ phần.	Đầu tư dự án Sóng Thần 3	Đầu tư dự án Sóng Thần 3.
11/09/2009 -	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 cổ đông	Đầu tư dự án Sóng Thần 3	Đầu tư dự án Sóng Thần 3.

Thời gian	Nguồn tăng	Mục đích sử dụng	Tình hình sử dụng vốn
30/09/2009	không chuyên nghiệp 3.800.000 cổ phần.	Thần 3	
24/06/2010	Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2009, với tỷ lệ 25%. Số tiền 96.974.700.000 đồng.	Bổ sung vốn lưu động	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền xả băng, công suất 60.000 tấn/năm Lắp đặt và đưa vào hoạt động 04 dây chuyền sản xuất ống thép với tổng công suất 30.000 tấn/năm
12/01/2012	Thực hiện chuyển đổi 26.000 trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, giá chuyển đổi 15.867 đồng/cổ phần. Số tiền 16.386.200.000 đồng.	Bổ sung vốn lưu động	Lắp ráp hoàn chỉnh và chạy thử thành công các dây chuyền: dây chuyền tẩy rửa, dây chuyền thép lá cán nguội 12 trục

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

❖ **Báo cáo về vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn kinh doanh**

Tính đến thời điểm 30/09/2013, Công ty có số vốn kinh doanh lên đến 2.095.326.278.235 đồng bên cạnh vốn điều lệ 501.360.900.000 đồng.

Bảng 18: Báo cáo về vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Vốn kinh doanh	Giá trị
Vốn đầu tư chủ sở hữu	501.360.900.000
Vốn vay	1.359.637.219.591
Thặng dư	160.852.283.540
Lợi nhuận chưa phân phối	103.617.647.013
Các khoản khác: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Nguồn vốn đầu tư XDCB, Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.496.913.675
Cổ phiếu quỹ	(58.638.685.584)
Tổng cộng	2.095.326.278.235

Nguồn: BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Tại thời điểm 30/9/2013, tổng nguồn vốn của Công ty là 2.095.326.278.235 đồng, được đầu tư vào các hạng mục cụ thể sau:

Bảng 19: Chi tiết sử dụng vốn của DTL

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Giá trị
Hàng tồn kho	911.568.968.292
Phải thu ngắn hạn	172.330.664.285
Tài sản cố định	648.521.065.882
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	220.878.003.724
Trong đó:	
Máy móc, dây chuyền sản xuất	105.812.348.423
Công trình văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn	113.883.403.303
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.182.251.998
Đầu tư tài chính ngắn hạn	850.725.000
Đầu tư tài chính dài hạn	881.943.241
Tiền mặt	111.281.472.945
Các tài sản ngắn hạn khác	28.501.949.443
Các tài sản dài hạn khác	511.485.423
Tổng cộng	2.095.326.278.235

Nguồn: BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Tại 30/09/2013, Công ty có dư nợ vay ngắn hạn khá lớn, chiếm 42% tổng tài sản. Nguồn vốn này được dùng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty bao gồm chi phí mua nguyên vật liệu. Hàng tồn kho chủ yếu là thành phẩm và hàng hóa sẵn sàng kinh doanh; Tài sản cố định chủ yếu là máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất và quyền sử dụng đất của một số bất động sản như sau: Khu công nghiệp Sóng Thần 2, tỉnh Bình Dương (6.327 m²); Khu công nghiệp Sóng Thần 3, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (105.285 m²); Lô đất tại xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương (3.865,9 m²); Lô đất tại khu vực 4, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (830 m²). Chi phí xây dựng dở dang là một số dây chuyền sản xuất đang lắp ráp và công trình văn phòng, nhà xưởng đang trong quá trình xây dựng. Sau khi hoàn tất sẽ kết chuyển sang phần tài sản cố định. Ngoài ra, tại 30/09/2013 Công ty duy trì tỷ lệ tiền gửi ngân hàng lớn (111,2 tỷ đồng) phục vụ cho mục đích mua bán hàng hóa và các hoạt động khác cần vốn lưu động. Tài sản khác chủ yếu bao gồm các khoản thuế được hoãn lại hoặc khấu trừ và chi phí trả trước.

12.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản.

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 5-10 năm
- Máy móc thiết bị: 5-7 năm
- Thiết bị và dụng cụ quản lý: 3 năm
- Thiết bị, dụng cụ thí nghiệm: 6 năm
- Tài sản cố định khác: 3 năm

12.1.3 Mức lương bình quân

Tính đến thời điểm 31/12/2012, mức lương bình quân của Công ty là 5.200.000 đồng/tháng/người.

12.1.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Hiện nay Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

12.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của nhà nước.

12.1.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Bảng 20: Số dư các quỹ năm 2011, 2012 và 30/09/2013

Đơn vị tính: đồng

Stt	Các quỹ	2011	2012	30/09/2013
1	Quỹ đầu tư phát triển	17.239.269.021	25.358.534.309	26.017.792.309
2	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	4.765.387.201	5.292.988.954	5.270.463.384
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	140.680.157.594	93.179.154.569	103.617.647.013
	Tổng cộng	162.684.813.816	123.830.677.832	134.905.902.706

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

12.1.7 Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 30/09/2013, tổng số dư nợ vay của Công ty là 1.027.781.118.225 đồng, trong đó:

Bảng 21: Số dư các khoản vay tại thời điểm 30/9/2013

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên Ngân hàng	Dư nợ vay tại 30/9/2013
I	Vay và nợ ngắn hạn	
	Vay VND	529.434.893.879
1	Ngân hàng TMCP Công Thương	218.219.008.711
2	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	5.260.000.000
3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	154.748.088.543
4	Ngân hàng Quân Đội	8.772.212.367
5	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	28.304.820.000
6	Vay cá nhân	114.130.764.258
	Vay USD	340.670.312.236
2	Ngân hàng TMCP Công Thương	81.927.675.200
2	Ngân hàng Quân Đội	52.341.109.361
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	123.122.051.800
4	Ngân hàng Đại Á	9.630.881.500
5	Ngân hàng Đại Dương	19.270.406.863
6	Ngân hàng Liên Việt	28.815.095.348
7	Ngân hàng Việt Nam Thương tín	20.132.930.618
8	Vay khác và nợ đến hạn	5.430.161.546
II	Vay và nợ dài hạn	
	Vay VND	157.675.912.110
	Tổng cộng	1.027.781.118.225

Nguồn: BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

12.1.8 Tình hình công nợ

❖ Các khoản phải thu

Bảng 22: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	2011	2012	30/09/2013
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	64.840.753.243	126.904.518.489	172.330.664.285
1	Phải thu khách hàng	121.250.179.569	57.765.691.429	124.368.135.570
2	Trả trước cho người bán	4.620.870.808	10.557.716.671	19.964.239.916
3	Các khoản phải thu khác	7.538.571.114	3.818.466.840	35.508.568.077
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(6.505.103.002)	(7.301.121.697)	(7.510.279.278)
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	64.840.753.243	126.904.518.489	172.330.664.285

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

❖ Các khoản phải trả

Bảng 23: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	2011	2012	30/09/2013
I	Nợ ngắn hạn	959.533.025.516	992.683.063.545	1.201.961.307.481
1	Vay và nợ ngắn hạn	667.955.185.823	669.222.608.154	870.105.206.115
2	Phải trả cho người bán	229.180.511.808	225.246.936.198	255.412.158.119
3	Người mua trả tiền trước	5.574.408.555	7.829.950.192	41.818.393.350
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	35.386.337.202	74.023.754.434	20.062.902.097
5	Phải trả người lao động	215.977.969	3.033.575.364	1.011.920.227
6	Chi phí phải trả	4.324.115.833	3.945.227.288	294.682.116
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12.131.101.125	4.088.022.961	7.985.582.073
8	Quỹ khen thưởng,	4.765.387.201	5.292.988.954	5.270.463.384

	phúc lợi			
II	Nợ dài hạn	85.856.878.880	194.948.410.650	157.675.912.110
1	Vay và nợ dài hạn	85.530.579.780	194.948.410.650	157.675.912.110
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	326.299.100	-	-
	Tổng cộng	1.045.389.904.396	1.187.631.474.195	1.359.637.219.591

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2011, 2012 và 9T/2013

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,30	1,07
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,23	0,13
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Tổng nợ/Tổng Tài sản	%	57,79	62,10
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	136,90	163,87
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	1,22	1,47
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	102,41	83,47
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,77	0,83
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	21,27	1,82
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	8,98	0,69
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,69	1,20
5. Chỉ tiêu liên quan tới cổ phần			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	3.476	281

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012
+ Giá trị sổ sách trên cổ phần	đồng	15.749	15.450

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát

Bảng 25: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh
I	Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	1963
2	Nguyễn Thị Bích Liên	Phó chủ tịch	1964
3	Lê Bá Phương	Thành viên	1964
4	Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	1974
II	Ban Tổng Giám đốc		
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	1963
2	Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc	1964
3	Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	1974
4	Phạm Vương Anh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	1969
5	Vũ Thành Nam	Giám đốc Tài chính	1975
III	Ban kiểm soát		
1	Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	1985
2	Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên BKS	1986
3	Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên BKS	1988
IV	Kế toán trưởng		
1	Nguyễn Thị Phước Diên	Q.Kế toán trưởng	1984

13.1. Hội đồng quản trị

13.1.1 Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên : **NGUYỄN THANH NGHĨA**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 27-11-1963
4. Nơi sinh : Bình Định
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Số CMND : 022749812 Cấp ngày 08/11/2007. Nơi cấp: CA-TP.HCM
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Phù Cát-Bình Định
9. Địa chỉ thường trú : 23/28 D2, Cư xá Văn Thánh Bắc, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HỒ CHÍ MINH.
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính-Kế toán
12. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1987-1992	Công tác tại Công ty Tài chính tín dụng Seaprodex
Từ 1992-1993	Nhân viên Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Tp.Hồ Chí Minh
Từ 1993-2001	Phó Phòng Nhập khẩu Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Tp. Hồ Chí Minh
Từ 2001-Tháng 05/2007	Giám đốc Công ty TNHH Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2007-nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

13. Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
14. Chức vụ ở các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
18. Số cổ phần nắm giữ (22/03/2013): 19.623.287 cổ phần (*chiếm 39,14 % vốn điều lệ*)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 19.623.287 cổ phần (*tương ứng 39,14% vốn điều lệ*)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (*tương ứng 0% vốn điều lệ*)

19. Những người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/V ĐL
1	Nguyễn Thị Bích Liên	Vợ	7.181.775	14,32 %
2	Nguyễn Thanh Loan	Con ruột	5.685.708	11,32%
3	Nguyễn Thanh Dung	Con ruột	2.339.991	4,67%
4	Nguyễn Quang Quảng	Anh ruột	6.250	0,01%

20. Tỷ lệ sở hữu ở các công ty khác: Không

13.1.2 Phó chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 08/06/1964
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 020723726 Cấp ngày 20/12/1999 Tại: CA.TPHCM
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 23/28 D2, Cư xá Văn Thánh Bắc, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 1984-1988	Làm việc tại Phân Viện Khoa học Kỹ thuật thuộc Ủy ban Khoa học kỹ thuật tại 49 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Từ 1989-1999	Nghỉ làm ở nhà làm nội trợ
Từ 2000-2005	Phó Phòng Nhập khẩu Công ty XNK Thủy sản Tp. HCM
Từ 2001-Tháng 05/2007	Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Thiên Lộc
Từ 2006-nay	Thành viên HĐQT/Phó TGĐ CTCP Đại Thiên Lộc

13. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT

14. Chức vụ ở các tổ chức khác: Không
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
18. Số cổ phần nắm giữ: 7.181.775 cổ phần, chiếm 14,32 % vốn điều lệ;

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 7.181.775 cổ phần (tương ứng 14,32 % vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

19. Những người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Chồng	19.623.287	39,14%
2	Nguyễn Thanh Loan	Con ruột	5.685.708	11,34%
3	Nguyễn Thanh Dung	Con ruột	2.339.991	4,67%

20. Tỷ lệ sở hữu ở các công ty khác: Không

13.1.3 Thành viên HĐQT

1. Họ và tên : **LÊ BÁ PHƯƠNG**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 20/11/1964
4. Nơi sinh : Vĩnh Long-Vĩnh Linh -Quảng Trị
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Số CMND : 025177456 Ngày cấp: 04/08/2009. Tại: CA Bến Tre
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Phong Bình-Hương Điền-Thừa Thiên Huế
9. Địa chỉ thường trú : 90/5 Nguyễn Khoái, Phường 2, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngoại thương
12. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1984-1987	Tham gia nghĩa vụ quân sự
Từ 1987-2004	Phó phòng Kế hoạch-Kinh doanh Công ty đông lạnh thủy sản xuất khẩu Bến Tre
Từ 2004-nay	Thành viên HĐQT CTCP xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre

13. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
14. Chức vụ ở các tổ chức khác: TGD Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Các khoản nợ đối với công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
18. Số lượng cổ phần nắm giữ (22/03/2013): 125.000 cổ phần, chiếm 0,25 % vốn điều lệ

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 125.000 cổ phần (tương ứng 0,25% vốn điều lệ)*
- *Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)*

19. Những người có liên quan: Không
20. Tỷ lệ sở hữu ở các công ty khác: Không

13.1.4 Thành viên HĐQT

1. Họ và tên : **LÂM THỊ KIM PHƯỢNG**
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : 19-09-1974
4. Nơi sinh : Tiền Giang
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Số CMND : 310926113 Ngày cấp: 25/10/2007. Tại: CA Tiền Giang
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Xã Xuân Đông, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang
9. Địa chỉ thường trú : 115 Ấp An Lạc Thượng, Xã Xuân Đông, Chợ Gạo, Tiền Giang
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
12. Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
Từ 2001-2007	Nhân viên Kinh doanh tại Công ty TNHH Thép Thiên Lộc
Từ 2008-nay	Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
Từ 10/2009-nay	Phó TGD Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

13. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: thành viên HĐQT, Phó TGD.
14. Chức vụ ở các tổ chức khác:
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

18. Số cổ phần nắm giữ (22/03/2013): 5.000 cổ phần, chiếm 0,01%

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần (tương ứng 0,01% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

19. Những người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
1	Lâm Thị Thanh Nhân	Em ruột	7.500	0,015%

20. Tỷ lệ sở hữu ở các công ty khác: Không

13.2. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

13.2.1 Tổng Giám đốc: Nguyễn Thanh Nghĩa

Lý lịch đã trình bày ở mục 13.1.1

13.2.2 Phó Tổng Giám đốc: Lâm Thị Kim Phụng

Lý lịch đã trình bày ở mục 13.1.4

13.2.3 Phó Tổng Giám đốc:

1. Họ và tên : **PHẠM VƯƠNG ANH VŨ**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 20/12/1969
4. Nơi sinh : Bình Dương
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Số CMND : 280408103 Ngày cấp: 02/03/2004. Tại: Bình Dương
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Lái Thiêu-Bình Dương
9. Địa chỉ thường trú : 15c An Hòa, An Sơn, xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính-Kế toán
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 1996-2004	Kế toán trưởng Công ty Kollan & Hugoknit, Khu chế xuất Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Từ 2004-2009	Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính Tập đoàn Hoa Sen,
Từ 2009-nay	Phó TGD Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

13. Chức vụ công tác hiện nay: Phó TGD

14. Chức vụ ở các tổ chức khác: Không
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
18. Số cổ phần nắm giữ (22/03/2013): 0 cổ phần (0 %)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

19. Những người có liên quan: Không
20. Tỷ lệ sở hữu ở các công ty khác: Không

13.2.4 Giám đốc tài chính

1. Họ và tên : **VŨ THÀNH NAM**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 15-05-1975
4. Nơi sinh : Nam Định
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Số CMND : 261318651 Ngày cấp: 11/09/2009. Tại: CA Bình Thuận
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Yên Trung, Ý Yên, tỉnh Nam Định
9. Địa chỉ thường trú : Nam Hà, Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 2001-2004	Kế toán trưởng CTCP Hồng Dương, Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty XD và PHTT tại Nam Định
Từ 10/2004-5/2006	Trợ lý Giám đốc Công ty TNHH Mỹ nghệ Sài Gòn ARTS
Từ 7/2006-11/2007	Kế toán trưởng Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc
Từ 12/2007-2012	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
Từ 2012-nay	Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

13. Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc tài chính
14. Chức vụ ở các tổ chức khác: Không

15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
18. Số cổ phần nắm giữ (22/03/2013): 12.951 cổ phần (0,025 %)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 12.951 cổ phần (tương ứng 0,025% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

19. Những người có liên quan: Không
20. Tỷ lệ sở hữu ở các công ty khác: Không

13.2.5 Kế toán trưởng:

1. Họ và tên : NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : 1984
4. Nơi sinh: : Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Số CMND : 341170827 Cấp ngày: 24/08/1999. Tại : CA Đồng Tháp
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp
9. Địa chỉ thường trú : Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.
12. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 2007-nay	Kế toán tại Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

13. Chức vụ công tác hiện nay: Quyền Kế toán trưởng
14. Chức vụ ở các tổ chức khác: Không
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
18. Số cổ phần nắm giữ (22/03/2013): 0 cổ phần (0 %)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

19. Những người có liên quan: Không

20. Tỷ lệ sở hữu ở các công ty khác: Không

13.3. Ban Kiểm soát

13.3.1 Trưởng Ban Kiểm soát

1. Họ và tên : **ĐOÀN THỊ BÍCH THÚY**
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : 11/05/1985
4. Nơi sinh : Đồng Nai
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh.
7. Quê quán : Bình Định
8. Số CMND : 271688781 Cấp ngày: 07/10/2005. Tại: CA Đồng Nai
9. Địa chỉ thường trú : Thọ Trung, Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cao đẳng Kế toán.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 2005-05/2007	Công tác tại Công ty TNHH Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2007-nay	Công tác tại Công ty Cổ Phần Đại Thiên Lộc

13. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng ban kiểm soát
14. Chức vụ ở các tổ chức khác: Không
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
18. Số cổ phần nắm giữ (22/03/2013): 1.300 cổ phần (0,003 %)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.300 cổ phần (tương ứng 0,003% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

19. Những người có liên quan: Không
20. Tỷ lệ sở hữu ở các công ty khác: Không

13.3.2 Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên : **VÕ THỊ MỸ DUNG**
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : 18/07/1986
4. Nơi sinh : Bình Định

5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Số CMND : 211833676 Cấp ngày: 19/07/2000. Tại: CA Bình Định
8. Quê quán : Bình Định
9. Địa chỉ thường trú : Cát Tài, Phù Cát, tỉnh Bình Định
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế Toán
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ tháng 11/2007-nay	Nhân viên kho thống kê Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

13. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
14. Chức vụ ở các tổ chức khác: Không
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
18. Số cổ phần nắm giữ (22/03/2013): 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

19. Những người có liên quan: Không
20. Tỷ lệ sở hữu ở các công ty khác: Không

13.3.3 Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên : PHAN QUỲNH DIỄM CHÂU
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : 10/01/1988
4. Nơi sinh: : Nha Trang
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
8. Số CMND : 225326703 Cấp ngày: 03/11/2004. Tại: CA Khánh Hòa
9. Địa chỉ thường trú : 116 Bạch Đằng, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật học

12. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ tháng 06/2010-nay	Công tác tại bộ phận pháp chế Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

13. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS
 14. Chức vụ ở các tổ chức khác: Không
 15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
 18. Số cổ phần nắm giữ (22/03/2013): 30 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 30 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

19. Những người có liên quan: Không
 20. Tỷ lệ sở hữu ở các công ty khác: Không

14. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty tại thời điểm 30/09/2013 như sau:

Bảng 26: Giá trị tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 30/09/2013

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	672.236.164	91.249.583	580.986.581
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	16.931.484	8.292.989	8.638.495
2	Máy móc và thiết bị	612.016.098	64.395.052	547.621.046
3	Phương tiện vận tải	40.640.780	17.597.588	23.043.192
4	Dụng cụ quản lý	1.335.691	662.365	673.326
5	TSCĐ hữu hình khác	1.312.111	301.589	1.010.522
II	TSCĐ thuê tài chính	10.339.285	1.615.513	8.723.772
III	TSCĐ vô hình	62.961.547	4.150.834	58.810.713
1	Quyền sử dụng đất	62.870.248	4.096.625	58.773.623
2	Phần mềm kế toán	91.299	54.209	37.090
	Tổng cộng	745.536.996	97.015.930	648.521.066

Nguồn: BCTC tại 30/09/2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013

Bảng 27: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm so với 2012
1	Vốn điều lệ	1.000 đồng	501.360.900	501.360.900	0%
2	Doanh thu thuần	1.000 đồng	1.603.276.548	3.000.000.000	87%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đồng	13.185.162	65.000.000	437%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,8%	2,17%	162,6%
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,8%	8,2%	352,1%
6	Cổ tức	%	10%	10%	0%

Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Lũy kế 09 tháng đầu năm Công ty ghi nhận lãi 10,4 tỷ đồng trong đó Quý III Công ty lãi 2,4 tỷ đồng. Lợi nhuận Công ty chưa đạt được như kỳ vọng chủ yếu là do tình hình cạnh tranh trên thị trường kinh doanh thép ngày càng gay gắt, một số doanh nghiệp trong ngành đã giảm mạnh giá bán làm ảnh hưởng đến mặt bằng giá chung trên thị trường khiến tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty còn cao, cụ thể chi phí tài chính cao chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá, chi phí quản lý và chi phí khác đều tăng so với cùng kỳ năm 2012, khiến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính thấp, dẫn đến kết quả lợi nhuận cuối quý 3 chỉ đạt được 16% kế hoạch 2013. Dự báo tình hình kinh doanh trong quý cuối năm vẫn còn nhiều khó khăn do vậy việc đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức như đề ra từ đầu năm là khó thực hiện.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc cùng với việc phân tích ngành, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) cho rằng, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc dự kiến trong năm 2013 là khó có thể đạt được nếu không khắc phục được các yếu tố tác động như đã phân tích trong mục 15 trên.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam lưu ý rằng những nhận xét của VCBS chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. VCBS khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý VCBS bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành
Không có.
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành
Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/một cổ phiếu)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 11.727.062 cổ phiếu.

Trong đó: tổng số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là: 7.036.237 cổ phiếu và tổng số cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2012 là 4.690.825 cổ phiếu. Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu có tỷ lệ thực hiện quyền là 10:1,5. Việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012 có tỷ lệ 10% mệnh giá/cổ phiếu, được thực hiện với tỷ lệ 10:1.

4. Tổng số vốn huy động dự kiến

Tổng số vốn huy động dự kiến: 70.362.370.000 đồng (Bảy mươi tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu (bằng mệnh giá)

6. Phương pháp tính giá:

Giá chào bán cổ phần phổ thông cho Cổ đông hiện hữu được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2013.

Giá trị sổ sách một cổ phiếu của DTL tại thời điểm 30/09/2013:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{SLCPĐLH}} = \frac{735.689.058.644}{46.908.250} = 15.683 \text{ (đồng/cổ phiếu)}$$

Thị giá cổ phiếu DTL tại thời điểm 26/04/2013, khi Công ty hoàn tất việc tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 thông qua việc phát hành: 12.800 đồng/cổ phiếu.

Thị giá cổ phiếu DTL tại thời điểm 15/11/2013, khi Công ty chuẩn bị nộp hồ sơ chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: 12.500 đồng/cổ phiếu.

Dựa trên phương pháp giá trị sổ sách trình bày ở trên cho kết quả giá trị cổ phiếu của Công ty lớn hơn mệnh giá. Nhưng đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, để bảo vệ lợi ích của cổ đông và để nâng cao khả năng thành công của đợt chào bán, ĐHĐCĐ của Công ty quyết định giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần (bằng mệnh giá).

7. Phương thức phân phối

❖ Bước 1: Thông báo quyền mua

Sau khi chốt danh sách cổ đông phân bổ quyền mua, Công ty hoặc các thành viên lưu ký sẽ thông báo đến các cổ đông về việc thời gian phát hành, thời gian nộp tiền mua cổ phần.

❖ Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu và thanh toán tiền mua cổ phần

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định.

Khi đăng ký quyền mua cổ phần phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần theo mức giá quy định trong thời hạn đăng ký mua cho phép.

Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện tất nhiên hết hiệu lực.

Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông được mua cổ phần có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng.

❖ Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền.

Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, Công ty sẽ tập hợp danh sách cổ đông đã mua cổ phần để lập phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có).

Toàn bộ số tiền bán cổ phần được chuyển vào tài khoản phong tỏa.

❖ Bước 4: Phân phối chứng khoán:

Công ty sẽ thực hiện việc phân phối chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thời gian phân phối

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng trong vòng 90 ngày kể từ ngày Công ty nhận được giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCKNN cấp.

9. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCK cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

Phương thức thanh toán: Đối với cổ đông đã lưu ký, đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản đối với cổ đông đã lưu ký. Đối với cổ đông chưa lưu ký, đăng ký mua tại Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc - Phòng Kế toán - Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh

Bình Dương và nộp tiền vào tài khoản phong tỏa của Công ty mở tại ngân hàng (*thông tin tài khoản phong tỏa xem tại Mục 15 dưới đây*).

Chuyển giao cổ phiếu: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

10. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty. Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục V.7, V.8 và V.9 của Bản cáo bạch này.

11. Xử lý số cổ phần chưa chào bán hết, số cổ phần lẻ phát sinh

Xử lý số cổ phiếu chưa chào bán hết và số cổ phiếu lẻ phát sinh trong đợt chào bán 7.036.237 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ 10:1,5: Số cổ phiếu không được cổ đông mua hết theo phương thức thực hiện quyền (nếu có) và tổng số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn đến hàng đơn vị sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu, được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty phân phối cho những đối tượng khác với hình thức chào bán cạnh tranh với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh trong đợt phát hành 4.690.825 cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ 10:1: Số cổ phiếu phát hành thêm được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ bị loại bỏ. Ví dụ: vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 23 cổ phiếu DTL. Khi đó số cổ phiếu cổ đông A được nhận là $23 \times 10\% = 2,3$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà cổ đông A nhận được là 2 cổ phiếu. Phần lẻ phát sinh 0,3 sẽ bị loại bỏ.

12. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động theo mẫu điều lệ công ty niêm yết của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 18/04/2011 không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 15/04/2009 về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu tối đa của bên nước ngoài là 49% tổng số cổ phiếu của tổ chức niêm yết.

Theo Công văn số 496/UBCK-PTTT ngày 12/07/2007, “Đối với các doanh nghiệp phát hành thêm và niêm yết trong nước: Nhà đầu tư nước ngoài chỉ được phép nắm giữ tối đa 49% số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đầu tư phát hành thêm”.

13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.

Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1 Đối với Công ty

❖ Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10%.

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008; Nghị định số 124/2008 NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 122/2011 NĐ-CP ngày 27/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008 NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm áp dụng cho Công ty là 25% trên lợi nhuận thu được.

Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

- Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2005 đến năm 2011).
- Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

❖ Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

❖ **Các loại thuế khác:**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành

14.2 Đối với nhà đầu tư

❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân:**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần, Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại tiết a điểm 2.2.2 mục II Phần B Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và cá nhân chuyển nhượng vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần, cuối năm cá nhân thực hiện quyết toán thuế.
 - Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- Thu nhập từ cổ tức: Theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%, Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức:**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - Tổ chức trong nước: Theo quy định Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính.
- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại khoản 6, Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Số tiền thu được từ đợt phát hành này sẽ được nộp vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của Công ty, cụ thể như sau:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- Số tài khoản: 041.100.0997618
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN Nam Bình Dương
- Địa chỉ: Đường DT 743, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Với sự phát triển của Công ty từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hiện tại với mức vốn điều lệ 501.360.900.000 đồng chỉ mới đáp ứng một phần nhu cầu vốn kinh doanh trong năm 2013. Ngoài nguồn vốn đã vay từ các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư tài sản phục vụ kinh doanh, Hội đồng quản trị đã lập phương án phát hành tăng vốn từ 501.360.900.000 đồng lên 618.631.525.000 đồng nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc ngày 25/04/2013.

Số tiền thu về từ đợt chào bán này dự kiến sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh cho Khu liên hợp sản xuất thép tại Khu công nghiệp Sóng Thần 3. Trong đó cụ thể là để mua hàng hóa, nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất.

2. Phương án khả thi

Việc phát hành tăng vốn lần này sẽ giúp Công ty giảm chi phí vay vốn, tăng năng lực sản xuất kinh doanh nhằm đạt mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận dự kiến trong năm 2013 và các năm tiếp theo do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đề ra.

- Doanh thu năm 2013 : 3.000.000.000.000 đồng
Trong đó xuất khẩu : 71.500.000 USD (tương đương 1.501.500.000.000 đồng)
- Lợi nhuận sau thuế : 65.000.000.000 đồng
- Cổ tức : 10%

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 117.270.630.000 đồng, trong đó tổng số vốn Công ty huy động từ đợt phát hành dự kiến là 70.362.380.000 đồng. Công ty dự kiến sẽ sử dụng toàn bộ số tiền huy động được để bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh cho Khu liên hợp sản xuất thép tại Khu công nghiệp Sóng Thần 3. Trong đó cụ thể là để mua hàng hóa, nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tổ chức tư vấn phát hành****CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM****❖ Trụ sở chính:**

- Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 39343137
- Fax: (04) 39360262
- Website: www.vcbs.com.vn; info.vcbs.com.vn

❖ Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng:

- Địa chỉ: 10 Hải Phòng, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
- Điện thoại: (0511) 3888991
- Fax: (0511) 3888881

❖ Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 38207816
- Fax: (08) 38208117

❖ Chi nhánh tại Cần Thơ:

- Địa chỉ: 2 Đại lộ Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
- Điện thoại: (710) 3750 888
- Fax: (710)-3750 878

❖ Chi nhánh tại Vũng Tàu:

- Địa chỉ: 27 Lê Lợi, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- Điện thoại: (84-64) 3513974
- Fax: (84-64) 3513 979

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/02/2002.

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 09/GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 24/02/2002.

2. Tổ chức kiểm toán**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

- Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 39305163
- Fax: (08) 39304281

3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn

❖ Về đợt chào bán:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng thép dẹt. Hệ thống các dây chuyền sản xuất hiện đại trong khu liên hợp sản xuất thép được Công ty chú trọng đầu tư và đặt mua từ các nhà cung cấp có uy tín trên thế giới. Do đó đã giúp nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty.

Sản phẩm chủ lực của Công ty như tôn mạ kẽm và mạ màu là một trong những sản phẩm thép thu hút khách hàng trong và ngoài nước do có nhiều ưu điểm (chất lượng tốt hơn, quy cách hàng hóa đa dạng hơn thỏa mãn nhu cầu khách hàng, giá xuất khẩu cạnh tranh hơn do lãi trên một tấn hàng ít hơn nhưng bù lại xuất khẩu với số lượng nhiều hơn).

Đối với các sản phẩm xuất khẩu, Công ty đưa ra nhiều sản phẩm tốt, giá cả cạnh tranh tạo nên lợi thế cạnh tranh xuất khẩu sản phẩm sang thị trường Trung Đông (Arab Saudi, UAE...), Bangladesh, Pakistan, Madagasca, Kenya, Congo, Sudan, Gambia, Peru, Colombia... và các nước ASEAN (Indonesia, Malaysia, Myanmar, Thái Lan...) ngoài 2 thị trường truyền thống là Lào và Campuchia - 2 quốc gia mà những doanh nghiệp thép khác luôn nhắm đến.

Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu lần này, chủ yếu dùng để bổ sung vào nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh cho Khu liên hợp sản xuất thép tại Khu công nghiệp Sóng Thần 3. Trong đó cụ thể là để mua hàng hóa, nguyên liệu.

Khối lượng phát hành đợt này ở quy mô trung bình với 11.727.063 cổ phiếu, tương đương 117,27 tỷ đồng, chiếm 24% vốn điều lệ hiện tại của Công ty. Trong đó: tổng số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là: 7.036.238 cổ phiếu và tổng số cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2012 là 4.690.825 cổ phiếu. Giá chào bán thấp so với thị giá cổ phiếu, là một cơ hội tốt để cổ đông/nhà đầu tư gia tăng vốn góp vào Công ty. Hơn nữa, đối tượng được mua cổ phần là tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty tại ngày chốt danh sách hưởng quyền mua.

Với những nhận định trên, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) cho rằng đợt phát hành 11.727.063 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là phù hợp với nhu cầu vốn cũng như phù hợp với định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc trong thời gian tới.

Tuy đợt chào bán lần này không được bảo lãnh phát hành, nhưng với sự phục hồi của thị trường chứng khoán trong thời gian gần đây cộng với việc lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông với giá khá hấp dẫn 10.000 đồng/cổ phiếu trong khi giá thị trường tại thời điểm 15/11/2013 là 12.400 đồng/cổ phiếu thì VCBS cho rằng đây là cơ hội tốt cho cổ đông/nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu DTL và khả năng Công ty chào bán thành công cao.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu

được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

❖ **Đại lý phát hành:**

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc sẽ phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán thành viên. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

❖ **Các khoản phí và điều kiện kèm theo:**

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, nộp tiền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (đối với cổ đông chưa lưu ký). Giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng. Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung để sớm đưa số lượng cổ phiếu phát hành thêm vào giao dịch.

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục 2:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
3. **Phụ lục 3:** Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2011 và 2012, Báo cáo tài chính Công ty mẹ tại 30/09/2013. Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2011 và 2012, báo cáo tài chính hợp nhất tại 30/09/2013.
4. **Phụ lục 4:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2013
5. **Phụ lục 5:** Biên bản họp ĐHCĐ Thường niên năm 2013
6. **Phụ lục 6:** Nghị quyết HĐQT số /2013/NQ-HĐQT ngày /12/2013 về việc thông qua nguyên tắc xác định giá phát hành, mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau phát hành và phương án xử lý cổ phiếu lẻ của đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức
7. **Phụ lục 7:** Nghị quyết số 09/2013/DTL-NQHĐQT ngày 15/11/2013 của HĐQT về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu
8. **Phụ lục 8:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, KTT và BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2013

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN THANH NGHĨA

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

ĐOÀN THỊ BÍCH THÚY

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC CN TP. HỒ CHÍ MINH



LÊ VĂN MINH